

**BẢNG TỔNG HỢP KẾT QUẢ XÉT TUYỂN**  
**KỶ TUYỂN DỤNG VIÊN CHỨC SỰ NGHIỆP VĂN PHÒNG ĐĂNG KÝ ĐẤT ĐAI NĂM 2026**  
*(Kèm theo TB số 18/TB-HĐTD ngày 12/6/2026 của Hội đồng tuyển dụng)*

Số TT	Số báo danh	Họ và tên thí sinh	Ngày, tháng, năm sinh	Quê quán	Trình độ	Chuyên môn (ngành; chuyên ngành đào tạo)	Vị trí đăng ký dự tuyển	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Mã chức danh dự tuyển	Lĩnh vực đăng ký dự tuyển	Diện ưu tiên	Điểm ưu tiên	Điểm phỏng vấn	Điểm tổng cộng
1	ĐĐ01	Phạm Duy Bằng	28/04/1981	Tu Bông, Khánh Hòa	Đại học	Trắc địa bản đồ	Đo đạc bản đồ	CN Vạn Ninh	V.06.06.17	Chuyên ngành			97	97
2	ĐĐ02	Đồng Quang Hoan	22/08/1981	Vũ Quang, Hà Tĩnh	Đại học	Địa chính	Đo đạc bản đồ	CN Vạn Ninh	V.06.06.17	Chuyên ngành			25	25
3	ĐĐ03	Dương Thành Công	05/11/1989	Hồng Châu, Hưng Yên	Đại học	Quản lý đất đai	Đo đạc bản đồ	CN Vạn Ninh	V.06.06.17	Chuyên ngành			92	92
4	ĐĐ04	Trần Văn Định	16/04/1992	Vạn Hưng, Khánh Hòa	Đại học	Quản lý đất đai	Đo đạc bản đồ	CN Vạn Ninh	V.06.06.17	Chuyên ngành			13	13
5	ĐĐ05	Võ Mai Trí Thức	06/03/1990	Vạn Thắng, Khánh Hòa	Đại học	Quản lý đất đai	Đo đạc bản đồ	CN Vạn Ninh	V.06.06.17	Chuyên ngành			21	21
6	ĐĐ06	Nguyễn Như Kiệt	03/11/1992	Gia Lai	Đại học	Quản lý đất đai	Đo đạc bản đồ	CN Vạn Ninh	V.06.06.17	Chuyên ngành			36	36
7	ĐĐ07	Trần Thanh Vũ	01/08/1984	Tuy Hòa, Đak Lak	Đại học	Quản lý đất đai	Đo đạc bản đồ	CN Vạn Ninh	V.06.06.17	Chuyên ngành			20	20
8	ĐĐ08	Huỳnh Thị Lan	25/08/1991	Xuân Lộc, Đồng Nai	Đại học	Quản lý đất đai	Đo đạc bản đồ	Phòng Kỹ thuật địa chính	V.06.06.17	Chuyên ngành			90	90
9	ĐĐ09	Nguyễn Thiều Thục Nhi	04/06/1995	Nam Nha Trang, Khánh Hòa	Đại học	Quản lý đất đai	Đo đạc bản đồ	Phòng Kỹ thuật địa chính	V.06.06.17	Chuyên ngành			51	51
10	ĐĐ10	Hoàng Ngọc Thái	11/11/1994	Bắc Nha Trang, Khánh Hòa	Thạc sĩ	Quản lý đất đai + Công nghệ kỹ thuật ô tô	Đo đạc bản đồ	Phòng Kỹ thuật địa chính	V.06.06.17	Chuyên ngành			71	71
11	ĐĐ11	Võ Quang Ngọc	04/01/1990	Huế	Đại học	Quản lý đất đai	Đo đạc bản đồ	Phòng Kỹ thuật địa chính	V.06.06.17	Chuyên ngành			86	86
12	ĐĐ12	Huỳnh Tường Viên	01/01/1983	Diên Lâm, Khánh Hòa	Thạc sĩ	Kỹ thuật trắc địa bản đồ + Thạc sĩ kinh tế	Đo đạc bản đồ	Phòng Kỹ thuật địa chính	V.06.06.17	Chuyên ngành	HTNVQS	2,5	70	72,5
13	ĐĐ13	Nguyễn Huy Tùng	19/07/1995	Vạn Thắng, Khánh Hòa	Thạc sĩ	Trắc địa bản đồ	Đo đạc bản đồ	Phòng Kỹ thuật địa chính	V.06.06.17	Chuyên ngành			96	96
14	ĐĐ14	Hoàng Văn Tuấn	18/07/1982	Hoạt Giang, Thanh Hóa	Đại học	Quản lý đất đai	Đo đạc bản đồ	Phòng Kỹ thuật địa chính	V.06.06.17	Chuyên ngành			84,5	84,5
15	ĐĐ15	Hoàng Đông Anh	11/05/1987	Hoạt Giang, Thanh Hóa	Đại học	Kỹ thuật trắc địa bản đồ	Đo đạc bản đồ	Phòng Kỹ thuật địa chính	V.06.06.17	Chuyên ngành			81	81
16	ĐĐ16	Cao Xuân Thông	13/04/1983	Diễn Châu, Nghệ An	Đại học	Trắc địa	Đo đạc bản đồ	Phòng Kỹ thuật địa chính	V.06.06.17	Chuyên ngành			91	91

17	ĐĐ17	Lê Thị Vinh Phúc	04/05/1992	Thăng Bình, Đà Nẵng	Đại học	Quản lý đất đai	Đo đạc bản đồ	Phòng Kỹ thuật địa chính	V.06.06.17	Chuyên ngành			47	47
18	ĐĐ18	Trần Thị Vũ Lai	18/12/1988	Tu Bông, Khánh Hòa	Đại học	Quản lý đất đai+ trắc địa	Đo đạc bản đồ	Phòng Kỹ thuật địa chính	V.06.06.17	Chuyên ngành			96	96
19	ĐĐ19	Nguyễn Tấn Quốc Đại	26/12/1985	Tam Kỳ, Đà Nẵng	Đại học	Quản lý đất đai	Đo đạc bản đồ	Phòng Kỹ thuật địa chính	V.06.06.17	Chuyên ngành			30	30
20	ĐĐ20	Nguyễn Quy	13/12/1984	Khánh Hòa	Đại học	Quản lý đất đai	Đo đạc bản đồ	Phòng Kỹ thuật địa chính	V.06.06.17	Chuyên ngành			vắng	vắng
21	ĐĐ21	Trần Quốc Tuấn	29/01/1985	Quảng Điền, Huế	Đại học	Quản lý đất đai	Đo đạc bản đồ	Phòng Kỹ thuật địa chính	V.06.06.17	Chuyên ngành			35	35
22	ĐĐ22	Trần Việt Sơn	23/01/1991	Ninh Kiều, Hà Nội	Đại học	Quản lý đất đai	Đo đạc bản đồ	Phòng Kỹ thuật địa chính	V.06.06.17	Chuyên ngành			67	67
23	ĐĐ23	Lương Công Kiên	29/01/1983	Đồng Thái, Ninh Bình	Đại học	Quản lý đất đai	Đo đạc bản đồ	Phòng Kỹ thuật địa chính	V.06.06.17	Chuyên ngành			78	78
24	ĐĐ24	Võ Thị Hạnh	26/07/1982	Ninh Hòa, Khánh Hòa	Đại học	Quản lý đất đai	Đo đạc bản đồ	CN Ninh Hòa	V.06.06.17	Chuyên ngành			51,5	51,5
25	ĐĐ25	Trần Lê Thanh Xuân	01/11/1982	Đan Hải, Hà Tĩnh	Đại học	Quản lý đất đai	Đo đạc bản đồ	CN Ninh Hòa	V.06.06.17	Chuyên ngành			91,5	91,5
26	ĐĐ26	Dương Văn Thắng	04/05/1989	Đan Hải, Hà Tĩnh	Đại học	Trắc địa	Đo đạc bản đồ	CN Ninh Hòa	V.06.06.17	Chuyên ngành			98,5	98,5
27	ĐĐ27	Nguyễn Thị Thom	06/07/1996	Đồng Ninh Hòa, Khánh Hòa	Đại học	Quản lý đất đai	Đo đạc bản đồ	CN Ninh Hòa	V.06.06.17	Chuyên ngành			92	92
28	ĐĐ28	Nguyễn Bá Thành	30/07/1995	Tuy An Nam, Đak Lak	Đại học	Trắc địa bản đồ	Đo đạc bản đồ	CN Khánh Sơn	V.06.06.17	Chuyên ngành			89	89
29	ĐĐ29	Trịnh Văn Định	15/06/1982	Hà Trung, Thanh Hóa	Đại học	Trắc địa	Đo đạc bản đồ	CN Khánh Vĩnh	V.06.06.17	Chuyên ngành			72	72
30	ĐĐ30	Trần Bảo Điệp	03/02/1996	Diên Khánh, Khánh Hòa	Đại học	Quản lý đất đai	Đo đạc bản đồ	CN Khánh Vĩnh	V.06.06.17	Chuyên ngành			92	92
31	ĐĐ31	Trần Kim Hoàng	05/09/1996		Đại học	Quản lý đất đai	Đo đạc bản đồ	CN Khánh Vĩnh	V.06.06.17	Chuyên ngành			45	45
32	ĐĐ32	Lý Quốc Tài	02/12/1992	Diên Khánh, Khánh Hòa	Thạc sĩ	Quản lý đất đai	Đo đạc bản đồ	CN Diên Khánh	V.06.06.17	Chuyên ngành			94	94
33	ĐĐ33	Nguyễn Trọng Thành	28/08/1978	Bắc Ninh	Thạc sĩ	Trắc địa bản đồ + Quản lý đất đai	Đo đạc bản đồ	CN Diên Khánh	V.06.06.17	Chuyên ngành			97	97
34	ĐĐ34	Trần Ngọc Tài	15/11/1991	Quảng Điền, Huế	Thạc sĩ	Quản lý đất đai	Đo đạc bản đồ	CN Diên Khánh	V.06.06.17	Chuyên ngành			10	10
35	ĐĐ35	Trần Vũ Anh Khoa	02/11/1995	Vạn Ninh, Khánh Hòa	Đại học	Quản lý đất đai	Đo đạc bản đồ	CN Nha Trang	V.06.06.17	Chuyên ngành			36,5	36,5
36	ĐĐ36	Bùi Trọng Hiến	15/02/1988	Hòa Trí, Khánh Hòa	Thạc sĩ	Quản lý đất đai	Đo đạc bản đồ	CN Nha Trang	V.06.06.17	Chuyên ngành			70	70
37	ĐĐ37	Nguyễn Văn Tinh	21/11/1990	Tu Bông, Khánh Hòa	Thạc Sĩ	Bản đồ, viễn thám và hệ thống địa lý+ trắc địa bản đồ	Đo đạc bản đồ	CN Nha Trang	V.06.06.17	Chuyên ngành			51,5	51,5

38	ĐĐ38	Ngô Quốc Anh	08/01/1988	Diên Thọ, Diên Khánh	Đại học	Quản lý đất đai	Đo đạc bản đồ	CN Nha Trang	V.06.06.17	Chuyên ngành			Vắng	vắng
39	ĐĐ39	Bùi Trọng Pháp	20/10/1989	Hòa Trí, Khánh Hòa	Đại học	Quản lý đất đai	Đo đạc bản đồ	CN Nha Trang	V.06.06.17	Chuyên ngành			0	0
40	ĐĐ40	Đặng Tiến Đạt	28/09/1988	Tuy Hòa, Đak Lak	Thạc sĩ	Trắc địa bản đồ + Quản lý đất đai	Đo đạc bản đồ	CN Nha Trang	V.06.06.17	Chuyên ngành			86	86
41	ĐĐ41	Nguyễn Nam Anh	09/11/1996	Nha Trang, Khánh Hòa	Đại học	Quản lý đất đai	Đo đạc bản đồ	CN Nha Trang	V.06.06.17	Chuyên ngành			95	95
42	ĐĐ42	Võ Đình Kiên	10/05/1982	Nam Đàn, Nghệ An	Đại học	Quản lý đất đai	Đo đạc bản đồ	CN Nha Trang	V.06.06.17	Chuyên ngành			96,5	96,5
43	ĐĐ43	Nguyễn Văn Thới	29/09/1974	Bồng Sơn, Gia Lai	Đại học	Quản lý đất đai	Đo đạc bản đồ	CN Nha Trang	V.06.06.17	Chuyên ngành			39,5	39,5
44	ĐĐ44	Nguyễn Lâm	07/10/1982	Thạch Hân, Quảng Trị	Đại học	Quản lý đất đai	Đo đạc bản đồ	CN Ninh Sơn	V.06.06.17	Chuyên ngành			68,75	68,75
45	ĐĐ45	Võ Đình Nhân	08/07/1996	Triệu Phong, Quảng Trị	Đại học	Quản lý đất đai	Đo đạc bản đồ	CN Ninh Sơn	V.06.06.17	Chuyên ngành			64	64
46	ĐĐ46	Trần Quốc Truyền	14/10/1996	Phù Mỹ Đông, Gia Lai	Đại học	Trắc địa bản đồ	Đo đạc bản đồ	CN Ninh Sơn	V.06.06.17	Chuyên ngành			64,7	64,7
47	ĐĐ47	Hà Hữu Hạnh	20/12/1990	Ninh Phước, Khánh Hòa	Đại học	Quản lý đất đai	Đo đạc bản đồ	CN Ninh Phước	V.06.06.17	Chuyên ngành	DTTS	5	63,5	68,5
48	ĐĐ48	Nguyễn Thanh Toàn	25/03/1983	Kim Trà, Huế	Đại học	Quản lý đất đai + Luật	Đo đạc bản đồ	CN Cam Ranh	V.06.06.17	Chuyên ngành			95,75	95,75
49	ĐĐ49	Nguyễn Văn Trường	29/10/1988	Hoạt Giang, Thanh Hóa	Đại học	Quản lý đất đai + Luật	Đo đạc bản đồ	CN Cam Ranh	V.06.06.17	Chuyên ngành			88,6	88,6
50	ĐĐ50	Nguyễn Chính Duy	16/08/1992	Sông Cầu, Đak Lak	Đại học	Kỹ thuật trắc địa bản đồ	Đo đạc bản đồ	CN Cam Ranh	V.06.06.17	Chuyên ngành	HTNVQ S	2,5	91	93,5
51	ĐĐ51	Thái Doãn Đường	26/09/1993	Hà Tĩnh	Đại học	Kỹ thuật trắc địa bản đồ	Đo đạc bản đồ	CN Cam Ranh	V.06.06.17	Chuyên ngành			57,25	57,25
52	ĐĐ52	Ngô Quang Huy	08/08/1997	Vĩnh Định, Quảng Trị	Đại học	Quản lý đất đai + Luật	Đo đạc bản đồ	CN Cam Ranh	V.06.06.17	Chuyên ngành			89,5	89,5
53	ĐĐ53	Nguyễn Hữu Thiện	01/12/1998	Nam Cam Ranh, Khánh Hòa	Đại học	Quản lý đất đai	Đo đạc bản đồ	CN Cam Ranh	V.06.06.17	Chuyên ngành			90,75	90,75
54	ĐĐ54	Nguyễn Huy Vũ	11/11/1990	Hoài Nhơn, Gia Lai	Đại học	Quản lý đất đai	Đo đạc bản đồ	CN Cam Ranh	V.06.06.17	Chuyên ngành			72,25	72,25
55	ĐĐ55	Phan Trọng Nghĩa	15/04/1991	Đông Hải, Khánh Hòa	Đại học	Quản lý đất đai	Đo đạc bản đồ	CN Ninh Hải	V.06.06.17	Chuyên ngành			67,75	67,75
56	ĐĐ56	Trần Sơn Vũ	10/08/1986	Ninh Phước, Khánh Hòa	Đại học	Quản lý đất đai	Đo đạc bản đồ	CN Ninh Hải	V.06.06.17	Chuyên ngành			90,25	90,25
57	ĐĐ57	Nguyễn Nhật Chương	13/08/2001	Cà Ná, Khánh Hòa	Đại học	Quản lý đất đai	Đo đạc bản đồ	CN Thuận Nam	V.06.06.17	Chuyên ngành			40,5	40,5
58	ĐĐ58	Nguyễn Đình Luật	02/07/1984	Hòa Hiệp, Đak Lak	Đại học	Quản lý đất đai	Đo đạc bản đồ	CN Thuận Nam	V.06.06.17	Chuyên ngành			84,25	84,25
59	ĐĐ59	Nguyễn Kính Khiêm	08/06/1991	Phan Rang, Khánh Hòa	Đại học	Quản lý đất đai	Đo đạc bản đồ	CN Thuận Nam	V.06.06.17	Chuyên ngành			77,75	77,75

60	ĐĐ60	Nguyễn Ngọc Sang	20/07/1992	Khánh Hòa	Thạc sĩ	Trắc địa bản đồ + Quản lý đất đai+ Luật	Đo đạc bản đồ	CN Cam Lâm	V.06.06.17	Chuyên ngành			94,25	94,25
61	ĐĐ61	Trần Minh Hoàng	01/03/1996	Khánh Hòa	Đại học	Trắc địa bản đồ	Đo đạc bản đồ	CN Cam Lâm	V.06.06.17	Chuyên ngành			Vắng	Vắng
62	ĐĐ62	Võ Đình Sơn Tùng	18/06/1987	Tây Hòa, Đak Lak	Đại học	Quản lý đất đai	Đo đạc bản đồ	CN Cam Lâm	V.06.06.17	Chuyên ngành			91,75	91,75
63	ĐĐ63	Phan Đức Chương	19/11/1984	Thăng An, Đà Nẵng	Đại học	Quản lý đất đai	Đo đạc bản đồ	CN Cam Lâm	V.06.06.17	Chuyên ngành	SQDB	5	38,25	38,25
64	ĐĐ64	Hà Quốc Hoàng	17/10/1989	Khánh Hòa	Đại học	Quản lý đất đai	Đo đạc bản đồ	CN Cam Lâm	V.06.06.17	Chuyên ngành			67,5	67,5
65	ĐĐ65	Nguyễn Hoàng Minh Thông	01/01/2002	Khánh Hòa	Đại học	Quản lý đất đai; Định giá bất động sản	Đo đạc bản đồ	CN Cam Lâm	V.06.06.17	Chuyên ngành			Vắng	Vắng
66	ĐĐ66	Chu Hữu Đức	15/10/1990	Hà Nội	Đại học	Quản lý đất đai	Đo đạc bản đồ	CN Cam Lâm	V.06.06.17	Chuyên ngành			69,75	69,75
67	BM01	Trịnh Như Quỳnh	24/04/1985	Thọ Xuân, Thanh Hóa	Thạc sĩ	Thạc sĩ Quản lý đất đai + Kế toán	Chuyên viên tổ chức bộ máy	Phòng HC-TH	01.003	Chuyên môn dùng chung			98	98
68	BM02	Đỗ Ngọc Thanh Cẩm	11/04/1997	Văn Lâm, Hưng Yên	Đại học	Quản lý đất đai	Chuyên viên tổ chức bộ máy	Phòng HC-TH	01.003	Chuyên môn dùng chung			24,75	24,75
69	BM03	Phạm Thùy Anh	31/08/1993	Như Quỳnh, Hưng Yên	Thạc sĩ	Kinh tế; Thạc sĩ Quản lý kinh tế	Chuyên viên tổ chức bộ máy	Phòng HC-TH	01.003	Chuyên môn dùng chung	CTB	5	75,75	80,75
70	VT01	Nguyễn Thị Hồng Nguyên	02/09/1986	Gia Lai	Đại học	lưu trữ- quản trị văn phòng	Văn thư viên	Phòng HC-TH	02.007	Chuyên môn dùng chung			97,5	97,5
71	VT02	Đặng Thị Thu Vân	13/06/1987	Diên Khánh, Khánh Hòa	Đại học	lưu trữ học- Quản trị Văn phòng	Văn thư viên	Phòng HC-TH	02.007	Chuyên môn dùng chung			40	40
72	VT03	Lê Thị Hồng Nhung	20/08/1983	Tuy Phước, Gia Lai	Đại học	Tài chính kế toán	Văn thư viên	Phòng HC-TH	02.007	Chuyên môn dùng chung			25	25
73	VT04	Huỳnh Thị Minh Lợi	02/12/1993	Hòa Thịnh, Đak Lak	Đại học	Quản trị kinh doanh	Văn thư viên	Phòng HC-TH	02.007	Chuyên môn dùng chung			20,5	20,5
74	VT05	Nguyễn Thị Bích Tuyền	30/08/1991	Tuy An Đông, Đak Lak	Đại học	Quản trị văn phòng	Văn thư viên	Phòng HC-TH	02.007	Chuyên môn dùng chung			37,5	37,5
75	VT06	Trương Thị Thanh Thân	30/11/1992	Cam Lâm, Khánh Hòa	Đại học	Quản lý đất đai	Văn thư viên	Phòng HC-TH	02.007	Chuyên môn dùng chung			97	97
76	VT07	Hoàng Thị Lệ	19/12/1982	Hải Phòng	Đại học	Luật	Văn thư viên	Phòng HC-TH	02.007	Chuyên môn dùng chung			99	99
77	VT08	Nguyễn Lê Ngọc Chi	15/10/1984	Ninh Hòa, KHánh Hòa	Đại học	Luật	Văn thư viên	CN Ninh Hòa	02.007	Chuyên môn dùng chung			90	90
78	VT09	Ngô Thị Mỹ Nga	06/04/1984	Ninh Phước, Khánh Hòa	Đại học	Luật	Văn thư viên	CN Ninh Phước	02.007	Chuyên môn dùng chung			82,5	82,5
79	TH01	Lê Nguyên Gia Phong	30/08/1980	Gia Lai	Thạc sĩ	Thạc sĩ Quản lý đất đai + Công nghệ thông tin	Chuyên viên tổng hợp	Phòng HC-TH	01.003	Chuyên môn dùng chung			98	98
80	TH02	Lê Thùy Chi	02/01/1981	Hà Tĩnh	Đại học	Công nghệ thông tin; Công nghệ phần mềm	Chuyên viên tổng hợp	Phòng HC-TH	01.003	Chuyên môn dùng chung	CNHĐK CBNCĐ HH	5	43	43

81	TH03	Phan Thọ Thiên	28/11/2003	Gò Nổi, Đà Nẵng	Đại học	Công nghệ thông tin; Công nghệ phần mềm	Chuyên viên tổng hợp	Phòng HC-TH	01.003	Chuyên môn dùng chung			30	30
82	ĐCTT01	Đặng Tiến Hải	26/12/1990	Ninh Khang, Thanh Hóa	Đại học	Quản lý đất đai	Địa chính viên	Phòng TTLT	V.06.01.02	Chuyên ngành			84	84
83	ĐCTT02	Nguyễn Hoàng Lâm	16/01/2002	Tây Sơn, Gia Lai	Đại học	Quản lý đất đai	Địa chính viên	Phòng TTLT	V.06.01.02	Chuyên ngành			98	98
84	ĐCTT03	Phạm Thị Hoa	09/04/1987	Đông Thái Ninh, Hưng Yên	Đại học	Quản lý đất đai	Địa chính viên	Phòng TTLT	V.06.01.02	Chuyên ngành			57	57
85	ĐCTT04	Lê Văn Khánh	02/04/1986	Thạch Phước, Vĩnh Long	Thạc sĩ	Quản lý đất đai	Địa chính viên	Phòng TTLT	V.06.01.02	Chuyên ngành			96	96
86	ĐCTT05	Nguyễn Thành Thương	12/11/1989	Phù Cát, Gia Lai	Đại học	Quản lý đất đai	Địa chính viên	Phòng TTLT	V.06.01.02	Chuyên ngành			69,5	69,5
87	ĐCTT06	Trần Thị Trang Đài	05/11/1975	Diên Khánh, Khánh Hòa	Đại học	Quản lý đất đai	Địa chính viên	Phòng TTLT	V.06.01.02	Chuyên ngành			97	97
88	HC01	So Thị Bích Tuyền	17/12/1991	Sơn Hòa, Đak Lak	Đại học	Luật	Chuyên viên Hành chính văn phòng	CN Bác Ái	01.003	Chuyên môn dùng chung	DTTS	5	85	90
89	HC02	Hoàng Thị Thu Thảo	16/06/1997	Thanh Hóa	Đại học	Luật	Chuyên viên Hành chính văn phòng	CN Bác Ái	01.003	Chuyên môn dùng chung			Vắng	vắng
90	HC03	Ngô Thị Ánh Nguyệt	12/05/1988	Ninh Phước, Khánh Hòa	Đại học	Luật	Chuyên viên Hành chính văn phòng	CN Ninh Phước	01.003	Chuyên môn dùng chung			83	83
91	HC04	Cao Thị Nghĩa	13/11/1987	Minh Hóa, Quảng Trị	Đại học	Luật	Chuyên viên Hành chính văn phòng	CN Thuận Nam	01.003	Chuyên môn dùng chung	CTB	5	74	79
92	HC05	Trương Văn Đăng	06/08/1984	Ninh Phước, Khánh Hòa	Đại học	Luật	Chuyên viên Hành chính văn phòng	CN Thuận Nam	01.003	Chuyên môn dùng chung			40	40
93	HC06	Trần Hồ Chí Trung	08/10/1991	Cam Ranh, Khánh Hòa	Đại học	Quản lý đất đai	Chuyên viên Hành chính văn phòng	CN Cam Ranh	01.003	Chuyên môn dùng chung			79	79
94	HC07	Dương Thị Hằng	17/01/1982	Tây Hoa Lư, Ninh Bình	Đại học	Luật	Chuyên viên Hành chính văn phòng	CN Cam Ranh	01.003	Chuyên môn dùng chung			81	81
95	HC08	Nguyễn Thị Khánh Linh	24/03/1992	Hoài Nhơn Bắc, Gia Lai	Đại học	Luật; Luật thương mại	Chuyên viên Hành chính văn phòng	CN Cam Ranh	01.003	Chuyên môn dùng chung			59,5	59,5
96	HC09	Lê Phúc Hòa	06/09/1985	Vạn Thắng, Khánh Hòa	Đại học	Luật	Chuyên viên Hành chính văn phòng	CN Vạn Ninh	01.003	Chuyên môn dùng chung			84,5	84,5

97	HC10	Thân Thị Thu Hà	18/08/1993	Vạn Ninh, Khánh Hòa	Đại học	Công nghệ kỹ thuật Môi trường + Quản lý đất đai	Chuyên viên Hành chính văn phòng	CN Vạn Ninh	01.003	Chuyên môn dùng chung			61	61
98	HC11	Hồ Thị Thùy Linh	10/08/1993	Đak Lak	Đại học	Quản lý đất đai	Chuyên viên Hành chính văn phòng	CN Vạn Ninh	01.003	Chuyên môn dùng chung			41	41
99	HC12	Dương Phi Học	22/07/1991	Phú Yên, Đak Lak	Đại học	Quản lý đất đai	Chuyên viên Hành chính văn phòng	CN Vạn Ninh	01.003	Chuyên môn dùng chung			67	67
100	HC13	Phạm Quang Huy	27/11/1988	Gia Lai	Đại học	Công nghệ thông tin	Chuyên viên Hành chính văn phòng	CN Cam Lâm	01.003	Chuyên môn dùng chung			83,5	83,5
101	HC14	Huỳnh Thanh Trúc	01/02/2001	Cam Hiệp, Khánh Hòa	Đại học	Kinh tế và quản lý công	Chuyên viên Hành chính văn phòng	CN Cam Lâm	01.003	Chuyên môn dùng chung			10	10
102	HC15	Nguyễn Thị Thảo Ny	14/10/1994	Khánh Hòa	Đại học	Luật+ Quản lý đất đai	Chuyên viên Hành chính văn phòng	CN Cam Lâm	01.003	Chuyên môn dùng chung			54	54
103	HC16	Nguyễn Trần Việt Linh	23/03/1995	Diên Thọ, Khánh Hòa	Đại học	Quản lý đất đai	Chuyên viên Hành chính văn phòng	CN Diên Khánh	01.003	Chuyên môn dùng chung			80	80
104	HC17	Tạ Thị Khánh Huyền	28/01/2003	Tiền Du, Bắc Ninh	Đại học	Luật	Chuyên viên Hành chính văn phòng	CN Diên Khánh	01.003	Chuyên môn dùng chung			19	19
105	HC18	Vũ Phước Thành	04/04/1995	Hà Đông, Hải Phòng	Đại học	Luật + Quản trị kinh doanh	Chuyên viên Hành chính văn phòng	CN Diên Khánh	01.003	Chuyên môn dùng chung			10	10
106	HC19	Nguyễn Thị Ngân Hà	17/10/1995	Thăng An, Đà Nẵng	Thạc sĩ	Thạc sĩ Luật + Ngôn ngữ Anh	Chuyên viên Hành chính văn phòng	CN Nha Trang	01.003	Chuyên môn dùng chung			49,5	49,5
107	HC20	Châu Ngọc Thanh Hải	15/10/1982	Núi Thành, Đà Nẵng	Đại học	Công nghệ thông tin	Chuyên viên Hành chính văn phòng	CN Nha Trang	01.003	Chuyên môn dùng chung			82	82
108	HC21	Võ Triều Toàn	16/11/1984	Hà Tĩnh	Thạc sĩ	Quản lý đất đai	Chuyên viên Hành chính văn phòng	CN Nha Trang	01.003	Chuyên môn dùng chung			78	78
109	HC22	Phạm Khang Hân	11/06/2000	An Khê, Gia Lai	Đại học	Luật; Luật dân sự	Chuyên viên Hành chính văn phòng	CN Nha Trang	01.003	Chuyên môn dùng chung			Vắng	vắng
110	HC23	Phan Xuân Ngân	04/03/1990	Thanh Hóa	Đại học	Quản lý đất đai	Chuyên viên Hành chính văn phòng	Phòng HC-TH	01.003	Chuyên môn dùng chung			80	80

111	HC24	Vi Nhật Sâm	27/10/1996	Con Cuông, Nghệ An	Đại học	Luật	Chuyên viên Hành chính văn phòng	Phòng HC-TH	01.003	Chuyên môn dùng chung	DTTS	5	40	40
112	HC25	Đặng Thị Thùy Dương	18/06/1987	An Khánh, Hải Phòng	Đại học	Kế toán + Quản lý đất đai	Chuyên viên Hành chính văn phòng	Phòng HC-TH	01.003	Chuyên môn dùng chung			Vắng	vắng
113	KT01	Bùi Thị Hòa	19/04/1986	Phan Rang, Khánh Hòa	Đại học	Kế toán	Kế toán viên	CN Ninh Phước	V.06.031	Chuyên môn dùng chung			98,5	98,5
114	KT02	Trần Thị Thanh Thủy	06/08/1993	Quảng Ngãi	Đại học	Kế toán	Kế toán viên	CN Ninh Phước	V.06.031	Chuyên môn dùng chung			vắng	vắng
115	KT03	Hứa Thị Hồng Bích	17/05/2002	Phước Hữu, Khánh Hòa	Đại học	Kế toán	Kế toán viên	CN Ninh Phước	V.06.031	Chuyên môn dùng chung	DTTS	5	7	7
116	KT04	Nguyễn Thị Diệu Thu	30/04/1993	Ninh Phước, Khánh Hòa	Đại học	Kế toán	Kế toán viên	CN Ninh Phước	V.06.031	Chuyên môn dùng chung			33,3	33,3
117	KT05	Đàng Phú Nữ Saman	20/03/1993	Ninh Phước, Khánh Hòa	Đại học	Kế toán	Kế toán viên	CN Ninh Phước	V.06.031	Chuyên môn dùng chung	DTTS	5	13,5	13,5
118	KT06	Vạn Nữ Kiều My	25/09/2002	Phước Hữu, Khánh Hòa	Đại học	Kế toán	Kế toán viên	CN Ninh Phước	V.06.031	Chuyên môn dùng chung	DTTS	5	0	0
119	KT07	Lê Thị Thu Nguyệt	24/08/1991	Vạn Thắng, Khánh Hòa	Đại học	Kế toán	Kế toán viên	CN Vạn Ninh	V.06.031	Chuyên môn dùng chung			90	90
120	KT08	Bùi Thị Hoàng Giang	03/11/1991	Bắc Đông Quan, Hưng Yên	Đại học	Tài chính ngân hàng	Kế toán viên	CN Cam Ranh	V.06.031	Chuyên môn dùng chung			93	93
121	KT09	Trương Thị Thu Thủy	26/09/1996	Yên Mỹ, Hưng Yên	Đại học	Kế toán	Kế toán viên	CN Cam Ranh	V.06.031	Chuyên môn dùng chung			39	39
122	KT10	Nguyễn Thị Nhật Hiệp	20/04/1987	Cam Lâm, Khánh Hòa	Đại học	Kế toán	Kế toán viên	CN Cam Lâm	V.06.031	Chuyên môn dùng chung			90	90
123	KT11	Trịnh Thị Thu Hạnh	19/08/1997	Mộ Đức, Quảng Ngãi	Đại học	Kế toán	Kế toán viên	CN Cam Lâm	V.06.031	Chuyên môn dùng chung			vắng	vắng
124	KT12	Đỗ Thị Như Hoa	23/09/1992	Hải Phòng	Thạc sĩ	Kế toán	Kế toán viên	Phòng HC-TH	V.06.031	Chuyên môn dùng chung			98,5	98,5
125	KT13	Nguyễn Thị Ngọc Huyền	11/09/2001	Lam Thành, Nghệ An	Đại học	Kế toán	Kế toán viên	Phòng HC-TH	V.06.031	Chuyên môn dùng chung			vắng	vắng
126	KT14	Phan Nguyễn Thanh Nhân	04/12/1995	Nha Trang, Khánh Hòa	Đại học	Tài chính ngân hàng	Kế toán viên	Phòng HC-TH	V.06.031	Chuyên môn dùng chung			20,5	20,5
127	KT15	Nguyễn Thị Kim Thảo	16/06/2002	Đak Lak	Đại học	Kế toán	Kế toán viên	Phòng HC-TH	V.06.031	Chuyên môn dùng chung			27,5	27,5
128	KT16	Nguyễn Thị Hồng Nhung	09/07/2000	Yên Hòa, Hà Tĩnh	Đại học	Kế toán	Kế toán viên	Phòng HC-TH	V.06.031	Chuyên môn dùng chung			51,5	51,5
129	KT17	Nguyễn Thị Tinh	26/04/1984	Nam Cửa Việt, Quảng Trị	Đại học	Kế toán	Kế toán viên	Phòng HC-TH	V.06.031	Chuyên môn dùng chung			95	95
130	KT18	Trần Nguyễn Nguyên Anh	24/07/1988	Diễn Châu, Nghệ An	Đại học	Tài chính	Kế toán viên	Phòng HC-TH	V.06.031	Chuyên môn dùng chung			10	10
131	KT19	Phạm Thị Thu Tuyền	15/11/1982	Tuy An Tây, Đak Lak	Đại học	Kế toán	Kế toán viên	Phòng HC-TH	V.06.031	Chuyên môn dùng chung			19	19

132	KT20	Huỳnh Thị Kim Bạch Thảo	07/05/1981	Bình Định	Đại học	Kế toán	Kế toán viên	Phòng HC-TH	V.06.031	Chuyên môn dùng chung			83,5	83,5
133	KT21	Đình Thị Bé	20/03/1987	Anh Sơn, Nghệ An	Đại học	Kế toán	Kế toán viên	Phòng HC-TH	V.06.031	Chuyên môn dùng chung	CTB	5	10,3	10,3
134	KT22	Nguyễn Khánh Huyền	25/03/1996	Quảng Ninh, Quảng Trị	Đại học	Kế toán	Kế toán viên	Phòng HC-TH	V.06.031	Chuyên môn dùng chung			3	3
135	KT23	Kiều Mai Minh Ngọc	28/10/1992	Gia Lai	Đại học	Kế toán	Kế toán viên	Phòng HC-TH	V.06.031	Chuyên môn dùng chung			vắng	vắng
136	KT24	Nguyễn Thị Thu Huyền	20/08/2001	Tượng Lĩnh, Thanh Hóa	Đại học	Kế toán	Kế toán viên	Phòng HC-TH	V.06.031	Chuyên môn dùng chung			vắng	vắng
137	PC01	Nguyễn Văn Hiến	06/06/1991	Ninh Phước, Khánh Hòa	Đại học	Luật	Pháp chế viên	CN Ninh Phước	01.003	Chuyên môn dùng chung			vắng	vắng
138	PC02	Lê Thị Thanh Phúc	18/03/1986	Ninh Phước, Khánh Hòa	Đại học	Luật	Pháp chế viên	CN Ninh Phước	01.003	Chuyên môn dùng chung			87	87
139	PC03	Nguyễn Lê Thanh Khoa	20/03/1978	Ninh Phước, Khánh Hòa	Thạc sĩ	Luật; CN kinh tế, dược sĩ	Pháp chế viên	CN Ninh Phước	01.003	Chuyên môn dùng chung			25	25
140	PC04	Trương Thị Nhi	14/05/1995	Cẩm Xuyên, Hà Tĩnh	Đại học	Luật; Luật dân sự	Pháp chế viên	CN Ninh Phước	01.003	Chuyên môn dùng chung			34,5	34,5
141	PC05	Nguyễn Thế Cường	05/01/1985	Vĩnh Hải, Khánh Hòa	Đại học	Luật	Pháp chế viên	CN Ninh Hải	01.003	Chuyên môn dùng chung			88,5	88,5
142	PC06	Trần Thị Ngọc Hiền	01/12/1995	Ninh Hải, Ninh Thuận	Đại học	Luật	Pháp chế viên	CN Ninh Hải	01.003	Chuyên môn dùng chung			69	69
143	PC07	Nguyễn Minh Thảo	20/10/1977	Phan Rang, Khánh Hòa	Đại học	Luật	Pháp chế viên	CN Phan Rang	01.003	Chuyên môn dùng chung			73	73
144	PC08	Lê Tuấn Huy	22/05/1998	Tây Hòa, Đak Lak	Đại học	Quản lý đất đai + Luật	Pháp chế viên	CN Nha Trang	01.003	Chuyên môn dùng chung			60	60
145	PC09	Lê Hoàng Phước	21/02/1993	Khánh Hòa	Thạc sĩ; Đại học	Thạc sĩ Luật kinh tế CN Luật + Công nghệ kỹ thuật xây dựng	Pháp chế viên	CN Nha Trang	01.003	Chuyên môn dùng chung			69,5	69,5
146	PC10	Huỳnh Thiên Long	14/05/2003	Mỹ Thượng, Huế	Đại học	Luật; Luật dân sự	Pháp chế viên	CN Nha Trang	01.003	Chuyên môn dùng chung			68,5	68,5
147	PC11	Nguyễn Thị Mỹ Hiền	28/02/1985	Nha Trang, Khánh Hòa	Đại học	Luật + kinh tế	Pháp chế viên	CN Nha Trang	01.003	Chuyên môn dùng chung			55	55
148	PC12	Nguyễn Thị Kim Dung	15/08/1976	Cát Khánh, Đak Lak	Đại học	Luật	Pháp chế viên	CN Cam Ranh	01.003	Chuyên môn dùng chung			68	68
149	PC13	Trần Nguyễn Yến Linh	19/02/2000	Tuy An Đông, Đak Lak	Đại học	Luật; Luật kinh doanh	Pháp chế viên	CN Cam Ranh	01.003	Chuyên môn dùng chung			vắng	vắng
150	PC14	Trần Việt Văn	23/08/2002	Tam Quan, Gia Lai	Đại học	Luật	Pháp chế viên	CN Ninh Hòa	01.003	Chuyên môn dùng chung			95,5	95,5
151	PC15	Nguyễn Thị Thúy Kiều Vy	28/12/1985	Tân Định, Khánh Hòa	Đại học	Luật	Pháp chế viên	CN Ninh Hòa	01.003	Chuyên môn dùng chung			45,5	45,5
152	PC16	Nguyễn Thị Thạch Trúc	09/05/1985	Ninh Hòa, Khánh Hòa	Đại học	Luật	Pháp chế viên	CN Ninh Hòa	01.003	Chuyên môn dùng chung			24	24

153	PC17	Đình Trung Hoàng	12/09/2001	Nam Ninh Hòa, Khánh Hòa	Đại học	Luật	Pháp chế viên	CN Ninh Hòa	01.003	Chuyên môn dùng chung			33,5	33,5
154	PC18	Mai Thành Trung	15/06/2001	Hải Lĩnh, Thanh Hóa	Đại học	Luật	Pháp chế viên	Phòng HC-TH	01.003	Chuyên môn dùng chung			98	98
155	PC19	Nguyễn Thị Bích Phượng	04/03/1989	Ninh Thuận	Đại học	Luật	Pháp chế viên	Phòng HC-TH	01.003	Chuyên môn dùng chung			53	53
156	PC20	Nguyễn Thị Thu Thảo	12/01/2002	Khánh Hòa	Đại học	Luật	Pháp chế viên	Phòng HC-TH	01.003	Chuyên môn dùng chung			vắng	vắng
157	PC21	Nguyễn Thị Khánh Linh	26/06/2003	Krông Pắc, Đắk Lắk	Đại học	Luật	Pháp chế viên	Phòng HC-TH	01.003	Chuyên môn dùng chung			36,5	36,5
158	LT01	Thái Thị Hiền	27/05/1991	Đô Lương, Nghệ An	Đại học	Quản lý đất đai	Lưu trữ viên	CN Bác Ái	V.01.02.02	Chuyên môn dùng chung			97,5	97,5
159	LT02	Lê Hoàng Anh	15/11/1990	Hà Bắc, Hải Phòng	Đại học	Công nghệ thông tin	Lưu trữ viên	CN Khánh Sơn	V.01.02.02	Chuyên môn dùng chung			95	95
160	LT03	Trà Hoài Nam	26/02/1986	Phù Cát, Gia Lai	Đại học	Luật	Lưu trữ viên	CN Ninh Sơn	V.01.02.02	Chuyên môn dùng chung			36,5	36,5
161	LT04	Lê Huỳnh Lê Sương	05/08/1995	Hà Tĩnh	Đại học	Quản lý Tài nguyên và Môi trường	Lưu trữ viên	CN Ninh Sơn	V.01.02.02	Chuyên môn dùng chung			32	32
162	LT05	Mai Thị Phượng	10/10/2001	Bằng Hành, Tuyên Quang	Đại học	Luật	Lưu trữ viên	CN Ninh Sơn	V.01.02.02	Chuyên môn dùng chung	DTTS	5	Vắng	vắng
163	LT06	Nguyễn Thị Lua	17/05/1990	An Lão, Gia Lai	Đại học	Luật kinh tế	Lưu trữ viên	CN Ninh Sơn	V.01.02.02	Chuyên môn dùng chung			92,5	92,5
164	LT07	Nguyễn Văn Khoa	15/11/1988	Ninh Phước, Khánh Hòa	Đại học	Luật	Lưu trữ viên	CN Thuận Nam	V.01.02.02	Chuyên môn dùng chung			84	84
165	LT08	Lê Thị Thu Trang	13/12/2001	Hàm Liêm, Lâm Đồng	Đại học	Xã hội học	Lưu trữ viên	CN Thuận Nam	V.01.02.02	Chuyên môn dùng chung			50	50
166	LT09	Bá Thị Bích Thương	10/08/1999	Ninh Phước, Khánh Hòa	Đại học	Lưu trữ - quản trị văn phòng	Lưu trữ viên	CN Thuận Nam	V.01.02.02	Chuyên môn dùng chung			53	53
167	LT10	Cao Thị Thúy Trang	30/07/1978	Cam Ranh, Khánh Hòa	Đại học	Luật + Tiếng anh	Lưu trữ viên	CN Cam Ranh	V.01.02.02	Chuyên môn dùng chung			92	92
168	LT11	Vũ Thị Hồng Thắm	10/07/1994	Xuân Trường, Ninh Bình	Đại học	Sư phạm sinh học	Lưu trữ viên	CN Cam Ranh	V.01.02.02	Chuyên môn dùng chung			28	28
169	LT12	Mai Hữu Linh	31/05/1982	Ninh Hòa, Khánh Hòa	Đại học	Luật + Công nghệ thông tin	Lưu trữ viên	CN Ninh Hòa	V.01.02.02	Chuyên môn dùng chung			96,5	96,5
170	LT13	Nguyễn Tấn Tài	23/10/1992	Hòa Trí, Khánh Hòa	Đại học	Quản lý đất đai	Lưu trữ viên	CN Ninh Hòa	V.01.02.02	Chuyên môn dùng chung			98	98
171	LT14	Lê Thị Hoàng Mí	01/03/1991	Đông Ninh Hòa, Khánh Hòa	Đại học	Luật	Lưu trữ viên	CN Ninh Hòa	V.01.02.02	Chuyên môn dùng chung			59,5	59,5
172	LT15	Nguyễn Thị Thu Trang	06/12/1983	Anh Sơn, Nghệ An	Đại học	Quản lý đất đai	Lưu trữ viên	CN Ninh Hòa	V.01.02.02	Chuyên môn dùng chung	CNHĐK CBNCĐ HH	5	45,5	45,5
173	LT16	Nguyễn Thị Kiều Diễm	19/10/1987	Gia Lai	Đại học	Quản trị Văn phòng	Lưu trữ viên	CN Cam Lâm	V.01.02.02	Chuyên môn dùng chung			95	95

174	LT17	Mai Thị Bích Duyên	14/12/1996	Suối Dầu, Khánh Hòa	Đại học	Quản lý đất đai	Lưu trữ viên	CN Cam Lâm	V.01.02.02	Chuyên môn dùng chung			91	91
175	LT18	Nguyễn Thành Đạt	30/11/1992	Diên Điền, Diên Khánh	Đại học	Luật	Lưu trữ viên	CN Diên Khánh	V.01.02.02	Chuyên môn dùng chung			94	94
176	LT19	Dương Thúy Lệ	10/07/1987	Bắc Ninh	Đại học	Lưu trữ và quản trị văn phòng	Lưu trữ viên	CN Diên Khánh	V.01.02.02	Chuyên môn dùng chung			Vắng	vắng
177	LT20	Lê Thị Hà	10/11/1989	Tân Gianh, Quảng Trị	Đại học	Lưu trữ và quản trị văn phòng	Lưu trữ viên	CN Nha Trang	V.01.02.02	Chuyên môn dùng chung			45	45
178	LT21	Võ Thụy Thanh Tâm	25/06/1980	Ninh Phước, Khánh Hòa	Đại học	Luật + Quản lý đất đai	Lưu trữ viên	CN Nha Trang	V.01.02.02	Chuyên môn dùng chung			87	87
179	LT22	Trần Anh Thư	26/03/1991	Tân Định, Khánh Hòa	Đại học	Quản lý đất đai	Lưu trữ viên	CN Nha Trang	V.01.02.02	Chuyên môn dùng chung			37	37
180	LT23	Nguyễn Thị Anh Trang	24/09/1979	Thanh Hóa	Đại học	Luật	Lưu trữ viên	CN Nha Trang	V.01.02.02	Chuyên môn dùng chung			40	40
181	LT24	Trần Thị Ánh Chung	05/02/1985	Việt Xuyên, Hà Tĩnh	Đại học	Quản lý đất đai + Luật	Lưu trữ viên	Phòng TTLT	V.01.02.02	Chuyên môn dùng chung			92	92
182	ĐC01	Huỳnh Quang Thanh	06/06/1976	Vĩnh Long	Đại học	Quản lý đất đai	Địa chính viên	CN Phan Rang	V.06.01.02	Chuyên ngành	CTB	5	95	100
183	ĐC02	Nguyễn Văn Thà	17/12/1993	Phan Rang, Khánh Hòa	Đại học	Quản lý đất đai	Địa chính viên	CN Phan Rang	V.06.01.02	Chuyên ngành			96	96
184	ĐC03	Lương Bá Linh My	14/11/1985	Ninh Phước, Khánh Hòa	Đại học	Quản lý đất đai	Địa chính viên	CN Phan Rang	V.06.01.02	Chuyên ngành			Vắng	vắng
185	ĐC04	Huỳnh Lê Tú Uyên	27/12/1992	Tư Nghĩa, Quảng Ngãi	Đại học	Quản lý đất đai	Địa chính viên	CN Phan Rang	V.06.01.02	Chuyên ngành			94	94
186	ĐC05	Nguyễn Thị Phan Hồng Tuyên	20/08/1984	Ninh Chữ, Khánh Hòa	Đại học	Quản lý đất đai	Địa chính viên	CN Phan Rang	V.06.01.02	Chuyên ngành			23,5	23,5
187	ĐC06	Lương Tấn Dương	01/03/1985	Gia Lai	Đại học	Quản lý đất đai	Địa chính viên	CN Phan Rang	V.06.01.02	Chuyên ngành	HTNVQ S	2,5	93,5	96
188	ĐC07	Nguyễn Thị Ngọc Trâm	31/03/1987	Khánh Hòa	Đại học	Trắc địa bản đồ; Công nghệ kỹ thuật trắc địa	Địa chính viên	CN Phan Rang	V.06.01.02	Chuyên ngành			1	1
189	ĐC08	Võ Thị Xuân Lạnh	10/06/1994	Khánh Hòa	Đại học	Quản lý đất đai	Địa chính viên	CN Phan Rang	V.06.01.02	Chuyên ngành			92,5	92,5
190	ĐC09	Trương Hoài Phương	25/08/1992	Khánh Hòa	Đại học	Quản lý đất đai	Địa chính viên	CN Phan Rang	V.06.01.02	Chuyên ngành			9	9
191	ĐC10	Phạm Thị Hương	02/03/1986	Bảo An, Khánh Hòa	Đại học	Quản lý đất đai	Địa chính viên	CN Phan Rang	V.06.01.02	Chuyên ngành			34,5	34,5
192	ĐC11	Hồ Công Bình	18/03/1994	Ninh Phước, Khánh Hòa	Đại học	Quản lý đất đai	Địa chính viên	CN Thuận Nam	V.06.01.02	Chuyên ngành			95,5	95,5
193	ĐC12	Trần Văn Nghĩa	22/11/1996	Ninh Chữ, Khánh Hòa	Đại học	Quản lý đất đai	Địa chính viên	CN Thuận Nam	V.06.01.02	Chuyên ngành			90	90
194	ĐC13	Trần Quốc Phương	10/10/1984	Ninh Phước, Khánh Hòa	Đại học	Quản lý đất đai	Địa chính viên	CN Thuận Nam	V.06.01.02	Chuyên ngành			94,25	94,25
195	ĐC14	Lê Võ Ngọc Vũ	14/11/1992	Cẩm Thành, Quảng Ngãi	Thạc sĩ	Quản lý đất đai + Luật	Địa chính viên	Phòng ĐK và CGCN	V.06.01.02	Chuyên ngành			98,75	98,75
196	ĐC15	Cao Chí Thìn	03/09/1988	Kim Phú, Quảng Trị	Đại học	Quản lý đất đai	Địa chính viên	Phòng ĐK và CGCN	V.06.01.02	Chuyên ngành			17	17

197	ĐC16	Nguyễn Thái Hoàng Long	18/07/1989	Diên Khánh, Khánh Hòa	Đại học	Quản lý đất đai	Địa chính viên	Phòng ĐK và CGCN	V.06.01.02	Chuyên ngành			98,25	98,25
198	ĐC17	Đỗ Thị Lệ Hằng	02/08/1978	Gia Lai	Đại học	Quản lý đất đai + Luật	Địa chính viên	Phòng ĐK và CGCN	V.06.01.02	Chuyên ngành			95,5	95,5
199	ĐC18	Ngô Vĩnh Minh	26/02/1988	Ninh Hòa, Khánh Hòa	Đại học	Quản lý đất đai	Địa chính viên	Phòng ĐK và CGCN	V.06.01.02	Chuyên ngành			92,5	92,5
200	ĐC19	Nguyễn Thụy Hà Trang	02/05/1986	Nha Trang, Khánh Hòa	Đại học	Quản lý đất đai	Địa chính viên	Phòng ĐK và CGCN	V.06.01.02	Chuyên ngành			13	13
201	ĐC20	Huỳnh Lê Quang Huy	11/01/1984	Trà Cầu, Quảng Ngãi	Thạc sĩ	Quản lý đất đai	Địa chính viên	Phòng ĐK và CGCN	V.06.01.02	Chuyên ngành			96	96
202	ĐC21	Lê Thành Vinh	19/44/1979	Đức Thọ, Hà Tĩnh	Thạc sĩ	Quản lý đất đai; Thạc sĩ kinh tế	Địa chính viên	Phòng ĐK và CGCN	V.06.01.02	Chuyên ngành			97,5	97,5
203	ĐC22	Phan Quốc Đạt	10/12/1996	Nam Nha Trang, Khánh Hòa	Đại học	Quản lý đất đai	Địa chính viên	Phòng ĐK và CGCN	V.06.01.02	Chuyên ngành			94,5	94,5
204	ĐC23	Trào Văn Thức	16/01/1996	Bảo An, Khánh Hòa	Đại học	Quản lý đất đai	Địa chính viên	Phòng ĐK và CGCN	V.06.01.02	Chuyên ngành			98	98
205	ĐC24	Nguyễn Phan Quốc Huy	19/05/1996	Đak Lak	Đại học	Quản lý đất đai	Địa chính viên	Phòng ĐK và CGCN	V.06.01.02	Chuyên ngành			96,75	96,75
206	ĐC25	Ngô Anh Khoa	12/11/1988	Diên Điền, Khánh Hòa	Thạc sĩ	Quản lý đất đai	Địa chính viên	Phòng ĐK và CGCN	V.06.01.02	Chuyên ngành			96,75	96,75
207	ĐC26	Nguyễn Thị Anh Kiều	29/07/2000	Diên Lâm, Khánh Hòa	Đại học	Địa chính và quản lý đô thị	Địa chính viên	Phòng ĐK và CGCN	V.06.01.02	Chuyên ngành			97,75	97,75
208	ĐC27	Nguyễn Thị Diệu Lương	05/11/1996	Ninh Chữ, Khánh Hòa	Đại học	Quản lý đất đai	Địa chính viên	CN Ninh Hải	V.06.01.02	Chuyên ngành			84	84
209	ĐC28	Nguyễn Thị Diệu Hiền	25/05/1994	Ninh Chữ, Khánh Hòa	Đại học	Quản lý đất đai	Địa chính viên	CN Ninh Hải	V.06.01.02	Chuyên ngành			85	85
210	ĐC29	Trần Thị Thu Thủy	20/04/1992	Bảo An, Khánh Hòa	Đại học	Quản lý đất đai	Địa chính viên	CN Ninh Hải	V.06.01.02	Chuyên ngành			85,5	85,5
211	ĐC30	Nguyễn Văn Dũng	21/10/1996	Đông Hải, Khánh Hòa	Đại học	Quản lý đất đai	Địa chính viên	CN Ninh Hải	V.06.01.02	Chuyên ngành			80,5	80,5
212	ĐC31	Lê Thị Bích Hợp	26/12/1976	Công Hải, Khánh Hòa	Đại học	Quản lý đất đai + Luật	Địa chính viên	CN Ninh Hải	V.06.01.02	Chuyên ngành			92	92
213	ĐC32	Phạm Nguyễn Linh Trang	28/02/1985	Gia Lai	Đại học	Quản lý đất đai	Địa chính viên	CN Ninh Sơn	V.06.01.02	Chuyên ngành			76	76
214	ĐC33	Đinh Thị Thúy	15/09/1995	Hoài Nhơn Tây, Gia Lai	Đại học	Quản lý đất đai	Địa chính viên	CN Ninh Sơn	V.06.01.02	Chuyên ngành			87	87
215	ĐC34	Nguyễn Thị Kim Cúc	03/12/1997	Ninh Phước, Khánh Hòa	Đại học	Quản lý đất đai	Địa chính viên	CN Ninh Sơn	V.06.01.02	Chuyên ngành			80	80
216	ĐC35	Võ Thị Kim Tiến	08/0/1989	Bắc Ninh Hòa, Khánh Hòa	Đại học	Quản lý đất đai	Địa chính viên	CN Ninh Hòa	V.06.01.02	Chuyên ngành			90,5	90,5
217	ĐC36	Nguyễn Thị Ngọc Thu	11/05/1999	Hoàng Tiến, Thanh Hóa	Thạc sĩ	Quản lý đất đai	Địa chính viên	CN Ninh Hòa	V.06.01.02	Chuyên ngành			51	51
218	ĐC37	Nguyễn Ngọc Tùng Linh	06/07/1995	Tân Định, Khánh Hòa	Đại học	Quản lý đất đai	Địa chính viên	CN Ninh Hòa	V.06.01.02	Chuyên ngành			40	40

219	ĐC38	Nguyễn Cảnh Thực	23/01/1985	Lương Sơn, Nghệ An	Thạc sĩ	Quản lý đất đai	Địa chính viên	CN Ninh Hòa	V.06.01.02	Chuyên ngành			92	92
220	ĐC39	Nguyễn Thị Thúy Hằng	18/02/1992	Gia Lai	Đại học	Quản lý đất đai	Địa chính viên	CN Ninh Hòa	V.06.01.02	Chuyên ngành			86	86
221	ĐC40	Lê Thị Thu Thảo	06/02/1993	Ninh Hòa, Khánh Hòa	Thạc sĩ	Quản lý đất đai	Địa chính viên	CN Ninh Hòa	V.06.01.02	Chuyên ngành			90	90
222	ĐC41	Lê Thị Thúy Nghia	11/08/1993	Lê Thủy, Quảng Trị	Đại học	Quản lý đất đai	Địa chính viên	CN Ninh Hòa	V.06.01.02	Chuyên ngành			64	64
223	ĐC42	Lê Minh Hải	02/10/1995	Hòa Trí, Khánh Hòa	Đại học	Quản lý đất đai	Địa chính viên	CN Ninh Hòa	V.06.01.02	Chuyên ngành			5	5
224	ĐC43	Huỳnh Hải Đăng	13/08/2000	Bắc Ninh Hòa, Khánh Hòa	Đại học	Quản lý đất đai	Địa chính viên	CN Ninh Hòa	V.06.01.02	Chuyên ngành			51	51
225	ĐC44	Nguyễn Huỳnh Minh Tuấn	28/03/2001	Đak Lak	Đại học	Quản lý đất đai	Địa chính viên	CN Ninh Hòa	V.06.01.02	Chuyên ngành			89	89
226	ĐC45	Nguyễn Anh Sang	05/03/1998	Ninh Hòa, Khánh Hòa	Đại học	Quản lý đất đai	Địa chính viên	CN Ninh Hòa	V.06.01.02	Chuyên ngành			80	80
227	ĐC46	Phạm Nguyễn Hữu Phúc	01/02/1999	Kiến Xương, Hung Yên	Đại học	Quản lý đất đai	Địa chính viên	CN Ninh Hòa	V.06.01.02	Chuyên ngành			40	40
228	ĐC47	Trần Thị Thu Ngân	18/06/2003	Tu Bông, Khánh Hòa	Đại học	Quản lý đất đai	Địa chính viên	CN Ninh Hòa	V.06.01.02	Chuyên ngành			54	54
229	ĐC48	Lương Thị Ngọc Thanh	07/11/1990	Tân Định, Khánh Hòa	Đại học	Địa chính	Địa chính viên	CN Ninh Hòa	V.06.01.02	Chuyên ngành			75	75
230	ĐC49	Phan Thanh Chinh	20/10/1985	Đức Thịnh, Hà Tĩnh	Đại học	Quản lý đất đai	Địa chính viên	CN Ninh Hòa	V.06.01.02	Chuyên ngành			86	86
231	ĐC50	Dương Thị Thu Dung	17/08/1984	Đan Hải, Hà Tĩnh	Đại học	Trắc địa	Địa chính viên	CN Ninh Hòa	V.06.01.02	Chuyên ngành			95,5	95,5
232	ĐC51	Trương Lưu Ngọc Thảo	19/09/2001	Suối Dầu, Khánh Hòa	Đại học	Quản lý đất đai; Địa chính và quản lý đô thị	Địa chính viên	CN Ninh Hòa	V.06.01.02	Chuyên ngành			25	25
233	ĐC52	Đặng Kim Phong	02/09/1987	Đông Hòa, Đak Lak	Đại học	Quản lý đất đai	Địa chính viên	CN Cam Lâm	V.06.01.02	Chuyên ngành			97	97
234	ĐC53	Lê Thị Ái Nhi	16/12/1993	Khánh Hòa	Đại học	Quản lý đất đai	Địa chính viên	CN Cam Lâm	V.06.01.02	Chuyên ngành			93,5	93,5
235	ĐC54	Lý Hùng Sơn	19/04/1995	Cam Lâm, Khánh Hòa	Đại học	Quản lý đất đai	Địa chính viên	CN Cam Lâm	V.06.01.02	Chuyên ngành			93	93
236	ĐC55	Lê Thị Tuyết Hạnh	01/01/1983	Thăng Bình, Đà Nẵng	Đại học	Quản lý đất đai	Địa chính viên	CN Cam Lâm	V.06.01.02	Chuyên ngành			20	20
237	ĐC56	Trương Thị Ngọc Bích	08/05/1986	Cam Lâm, Khánh Hòa	Đại học	Quản lý đất đai	Địa chính viên	CN Cam Lâm	V.06.01.02	Chuyên ngành			50	50
238	ĐC57	Nguyễn Thị Kim Ánh	26/02/1988	Diên Lâm, Khánh Hòa	Đại học	Quản lý đất đai	Địa chính viên	CN Cam Lâm	V.06.01.02	Chuyên ngành			75	75
239	ĐC58	Đỗ Quyên	25/10/1995	Suối Dầu, Khánh Hòa	Đại học	Quản lý đất đai	Địa chính viên	CN Cam Lâm	V.06.01.02	Chuyên ngành			80	80
240	ĐC59	Đỗ Hồng Ngọc	29/11/2002	Suối Dầu, Khánh Hòa	Đại học	Quản lý đất đai	Địa chính viên	CN Cam Lâm	V.06.01.02	Chuyên ngành			65,5	65,5

241	ĐC60	Võ Thị Ngọc Trâm	17/05/2002	Suối Dầu, Khánh Hòa	Đại học	Quản lý đất đai	Địa chính viên	CN Cam Lâm	V.06.01.02	Chuyên ngành			68	68
242	ĐC61	Văn Thị Bích Nguyệt	24/10/1993	Cam Lâm, Khánh Hòa	Đại học	Quản lý đất đai	Địa chính viên	CN Cam Lâm	V.06.01.02	Chuyên ngành			24	24
243	ĐC62	Huỳnh Nữ Xuân Vọng	16/05/1996	Cam Lâm, Khánh Hòa	Đại học	Quản lý đất đai	Địa chính viên	CN Cam Lâm	V.06.01.02	Chuyên ngành			40	40
244	ĐC63	Lê Nữ Bích Ngọc	26/04/1995	Cam Lâm, Khánh Hòa	Đại học	Quản lý đất đai	Địa chính viên	CN Cam Lâm	V.06.01.02	Chuyên ngành			74	74
245	ĐC64	Nguyễn Thị Như Quỳnh	12/04/1997	Quy Châu, Nghệ An	Đại học	Quản lý đất đai	Địa chính viên	CN Cam Lâm	V.06.01.02	Chuyên ngành			60	60
246	ĐC65	Trần Thị Thu Thanh	26/10/2000	Tu Bông, Khánh Hòa	Đại học	Quản lý đất đai	Địa chính viên	CN Cam Lâm	V.06.01.02	Chuyên ngành			65	65
247	ĐC66	Hoàng Đình Hưng	30/09/1983	Tuyên Quang	Đại học	Quản lý đất đai	Địa chính viên	CN Vạn Ninh	V.06.01.02	Chuyên ngành	DTTS	5	97	102
248	ĐC67	Lê Xuân Thịnh	05/02/2000	Vạn Ninh, Khánh Hòa	Đại học	Quản lý đất đai; Hệ thống thông tin địa lý	Địa chính viên	CN Vạn Ninh	V.06.01.02	Chuyên ngành			41	41
249	ĐC68	Trần Anh Quốc	04/01/1993	Vạn Ninh, Khánh Hòa	Đại học	Quản lý đất đai	Địa chính viên	CN Vạn Ninh	V.06.01.02	Chuyên ngành			Vắng	vắng
250	ĐC69	Võ Phạm Ngọc Đạt	16/01/1992	Vạn Hưng, Khánh Hòa	Đại học	Quản lý đất đai	Địa chính viên	CN Vạn Ninh	V.06.01.02	Chuyên ngành			90	90
251	ĐC70	Nguyễn Thị Hào	26/11/1985	Nghi Sơn, Thanh Hóa	Đại học	Quản lý đất đai	Địa chính viên	CN Vạn Ninh	V.06.01.02	Chuyên ngành			Vắng	vắng
252	ĐC71	Hoàng Thị Ngân	02/01/1986	Thiệu Hóa, Thanh Hóa	Đại học	Quản lý đất đai	Địa chính viên	CN Vạn Ninh	V.06.01.02	Chuyên ngành			50	50
253	ĐC72	Trần Ngọc Lâm	19/02/1995	Tu Bông, Khánh Hòa	Đại học	Quản lý đất đai	Địa chính viên	CN Vạn Ninh	V.06.01.02	Chuyên ngành			83,25	83,25
254	ĐC73	Nguyễn Linh Trí	05/04/1998	Vạn Ninh, Khánh Hòa	Đại học	Quản lý đất đai	Địa chính viên	CN Vạn Ninh	V.06.01.02	Chuyên ngành			96	96
255	ĐC74	Phạm Ngọc Duy	09/01/1990	Vạn Thắng, Khánh Hòa	Đại học	Trắc địa bản đồ	Địa chính viên	CN Vạn Ninh	V.06.01.02	Chuyên ngành			55	55
256	ĐC75	Huỳnh Đăng Khánh	03/02/1988	Vạn Ninh, Khánh Hòa	Đại học	Quản lý đất đai	Địa chính viên	CN Vạn Ninh	V.06.01.02	Chuyên ngành			95	95
257	ĐC76	Đàm Quang Chung	11/12/1985	Phường Chũ, Bắc Ninh	Đại học	Quản lý đất đai	Địa chính viên	CN Vạn Ninh	V.06.01.02	Chuyên ngành			Vắng	vắng
258	ĐC77	Trần Thị Thanh Trúc	12/06/1990	Vạn Ninh, Khánh Hòa	Đại học	Quản lý đất đai	Địa chính viên	CN Vạn Ninh	V.06.01.02	Chuyên ngành			97	97
259	ĐC78	Lê Thị Hồng	29/04/1995	Vĩnh Hải, Hải Phòng	Đại học	Quản lý đất đai	Địa chính viên	CN Khánh Vĩnh	V.06.01.02	Chuyên ngành			94,5	94,5
260	ĐC79	Nguyễn Trần Phước Trung	10/01/1990	Diên Khánh, Khánh Hòa	Đại học	Quản lý đất đai	Địa chính viên	CN Khánh Vĩnh	V.06.01.02	Chuyên ngành			97,5	97,5
261	ĐC80	Bùi Ngọc Hoàng Vy	16/02/1998	Diên Lâm, Khánh Hòa	Đại học	Quản lý đất đai	Địa chính viên	CN Khánh Vĩnh	V.06.01.02	Chuyên ngành			Vắng	vắng
262	ĐC81	Trần Văn Thoại	04/06/1985	Diên Khánh, Khánh Hòa	Thạc sĩ	Quản lý đất đai	Địa chính viên	CN Khánh Vĩnh	V.06.01.02	Chuyên ngành			10,5	10,5

263	ĐC82	Tô Quang Vinh	08/11/1990	Trà Lĩnh, Cao Bằng	Đại học	Quản lý đất đai	Địa chính viên	CN Khánh Vĩnh	V.06.01.02	Chuyên ngành	DTTS	5	Vắng	vắng
264	ĐC83	Trần Thị Xuân Quỳnh	11/03/1989	Tuyên Bình, Quảng Trị	Thạc sĩ	Quản lý đất đai	Địa chính viên	CN Nha Trang	V.06.01.02	Chuyên ngành			83,5	83,5
265	ĐC84	Thân Tấn Quân	04/03/1999	Dương Nỗ, Huế	Đại học	Trắc địa bản đồ	Địa chính viên	CN Nha Trang	V.06.01.02	Chuyên ngành			15,5	15,5
266	ĐC85	Lê Thị Như Hoa	30/12/1985	Quảng Ngọc, Thanh Hóa	Đại học	Quản lý đất đai	Địa chính viên	CN Nha Trang	V.06.01.02	Chuyên ngành	CNHDK CBNCĐ HH	5	97	102
267	ĐC86	Hồ Ý Nhi	10/11/1989	Diên Điền, Khánh Hòa	Đại học	Quản lý đất đai	Địa chính viên	CN Nha Trang	V.06.01.02	Chuyên ngành			Vắng	vắng
268	ĐC87	Phan Thanh Hiền	30/07/1991	Tây Nha Trang, Khánh Hòa	Đại học	Quản lý đất đai	Địa chính viên	CN Nha Trang	V.06.01.02	Chuyên ngành			72,5	72,5
269	ĐC88	Đào Văn Lộc	22/02/1985	Ninh Hòa, Khánh Hòa	Đại học	Quản lý đất đai	Địa chính viên	CN Nha Trang	V.06.01.02	Chuyên ngành			97	97
270	ĐC89	Nguyễn Ánh Duyên	24/02/1987	Tây Nha Trang, Khánh Hòa	Đại học	Quản lý đất đai	Địa chính viên	CN Nha Trang	V.06.01.02	Chuyên ngành			59,5	59,5
271	ĐC90	Nguyễn Thị Vân Anh	24/02/1980	Thanh Hà, Hải Phòng	Đại học	Quản lý đất đai	Địa chính viên	CN Nha Trang	V.06.01.02	Chuyên ngành			93	93
272	ĐC91	Lê Hoàng Tịnh Văn	17/10/2001	Ninh Hòa, Khánh Hòa	Đại học	Quản lý đất đai	Địa chính viên	CN Nha Trang	V.06.01.02	Chuyên ngành			Vắng	vắng
273	ĐC92	Lê Trung Kiên	30/09/1998	Nha Trang, Khánh Hòa	Đại học	Quản lý đất đai	Địa chính viên	CN Nha Trang	V.06.01.02	Chuyên ngành			Vắng	vắng
274	ĐC93	Ngô Quốc Phong	03/01/2000	Bắc Nha Trang, Khánh Hòa	Đại học	Quản lý đất đai	Địa chính viên	CN Nha Trang	V.06.01.02	Chuyên ngành			92,5	92,5
275	ĐC94	Ngô Thị Cẩm Tú	03/01/1985	Tân Trụ, Tây Ninh	Đại học	Quản lý đất đai	Địa chính viên	CN Diên Khánh	V.06.01.02	Chuyên ngành	CTB	5	95	100
276	ĐC95	Nguyễn Phi Phương Hoàng	21/05/1988	Cam An, Khánh Hòa	Đại học	Quản lý đất đai	Địa chính viên	CN Diên Khánh	V.06.01.02	Chuyên ngành			97,5	97,5
277	ĐC96	Trần Thị Quỳnh Trâm	28/07/1988	Diên Điền, Khánh Hòa	Đại học	Quản lý đất đai	Địa chính viên	CN Diên Khánh	V.06.01.02	Chuyên ngành			59	59
278	ĐC97	Lưu Thị Ngọc Diệu	10/02/1992	Hòa Thịnh, Đak LaK	Thạc sĩ	Quản lý đất đai	Địa chính viên	CN Diên Khánh	V.06.01.02	Chuyên ngành			99,5	99,5
279	ĐC98	Phạm Minh Uyên	26/03/1992	Khánh Hòa	Đại học	Quản lý đất đai	Địa chính viên	CN Diên Khánh	V.06.01.02	Chuyên ngành			96,5	96,5
280	ĐC99	Nguyễn Thị Tuyết Nga	16/04/1988	Diên Khánh, Khánh Hòa	Đại học	Quản lý đất đai + Luật	Địa chính viên	CN Diên Khánh	V.06.01.02	Chuyên ngành			93,5	93,5
281	ĐC100	Mai Phú Khánh	05/01/1992	Diên Điền, Khánh Hòa	Đại học	Quản lý đất đai	Địa chính viên	CN Diên Khánh	V.06.01.02	Chuyên ngành			8,5	8,5
282	ĐC101	Trương Thị Thanh Thúy	13/09/1994	Diên Thọ, Khánh Hòa	Đại học	Quản lý đất đai	Địa chính viên	CN Diên Khánh	V.06.01.02	Chuyên ngành			58	58
283	ĐC102	Văn Khánh Vũ	09/12/1994	Bắc Ninh Hòa, Khánh Hòa	Đại học	Quản lý đất đai	Địa chính viên	CN Diên Khánh	V.06.01.02	Chuyên ngành			22	22
284	ĐC103	Nguyễn Nguyên Hạnh Nhân	03/10/1994	Diên Khánh, Khánh Hòa	Đại học	Quản lý đất đai	Địa chính viên	CN Diên Khánh	V.06.01.02	Chuyên ngành			55,5	55,5

285	ĐC104	Luu Thị Ngọc Dung	18/08/1997	Hòa Thịnh, Đak LaK	Thạc sĩ	Quản lý đất đai	Địa chính viên	CN Diên Khánh	V.06.01.02	Chuyên ngành			88	88
286	ĐC105	Lý Nguyễn Bửu Trân	10/01/1988	Ngô Mây, Gia Lai	Đại học	Quản lý đất đai	Địa chính viên	CN Diên Khánh	V.06.01.02	Chuyên ngành			96,5	96,5
287	ĐC106	Đình Văn Khôi	22/07/1997	Hòa Hội, Gia Lai	Đại học	Quản lý đất đai	Địa chính viên	CN Bắc Ái	V.06.01.02	Chuyên ngành			98	98
288	ĐC107	Nguyễn Tuấn Anh	08/09/1979	Vĩnh Thuận, Hải Phòng	Đại học	Quản lý đất đai	Địa chính viên	CN Ninh Phước	V.06.01.02	Chuyên ngành	CTB	5	19	19
289	ĐC108	Trương Minh Thành	02/03/1989	Phước Hậu, Khánh Hòa	Đại học	Quản lý đất đai	Địa chính viên	CN Ninh Phước	V.06.01.02	Chuyên ngành	HTNVQS	2,5	94	96,5
290	ĐC109	Huỳnh Thị Hiền	30/11/1986	Phù Cát, Gia Lai	Đại học	Quản lý đất đai	Địa chính viên	CN Ninh Phước	V.06.01.02	Chuyên ngành			3,5	3,5
291	ĐC110	Hà Thủy Kiều Giang	14/12/1983	Thái Thụy, Hưng Yên	Đại học	Quản lý đất đai	Địa chính viên	CN Ninh Phước	V.06.01.02	Chuyên ngành			69,5	69,5
292	ĐC111	Bạch Lâm Sơn	06/08/1993	Ninh Phước, Khánh Hòa	Đại học	Quản lý đất đai	Địa chính viên	CN Ninh Phước	V.06.01.02	Chuyên ngành			86	86
293	ĐC112	Lê Thị Bình An	30/11/1995	Ninh Phước, Khánh Hòa	Đại học	Quản lý đất đai	Địa chính viên	CN Ninh Phước	V.06.01.02	Chuyên ngành			62	62
294	ĐC113	Đào Thị Thanh Diệu	30/01/2002	Đô Vinh, Khánh Hòa	Đại học	Quản lý đất đai	Địa chính viên	CN Ninh Phước	V.06.01.02	Chuyên ngành			35	35
295	ĐC114	Phan Thị Thu Hằng	08/05/1989	Đông Hải, Khánh Hòa	Đại học	Quản lý đất đai	Địa chính viên	CN Thuận Bắc	V.06.01.02	Chuyên ngành			75	75
296	ĐC115	Trương Vĩnh Pháp	06/02/1988	Ninh Phước, Khánh Hòa	Đại học	Quản lý đất đai	Địa chính viên	CN Thuận Bắc	V.06.01.02	Chuyên ngành			Vắng	vắng
297	ĐC116	Lê Thị Hồng Thắm	10/09/1991	Ninh Hòa, Khánh Hòa	Đại học	Quản lý đất đai	Địa chính viên	CN Cam Ranh	V.06.01.02	Chuyên ngành			40	40
298	ĐC117	Nguyễn Thị Mai Trí	29/05/1991	Hoài Nhơn, Gia Lai	Đại học	Quản lý đất đai	Địa chính viên	CN Cam Ranh	V.06.01.02	Chuyên ngành			45	45
299	ĐC118	Hà Thị Bích Trâm	15/03/1996	Cam Ranh, Khánh Hòa	Đại học	Quản lý đất đai; Công nghệ địa chính	Địa chính viên	CN Cam Ranh	V.06.01.02	Chuyên ngành			Bỏ thi	Bỏ thi
300	ĐC119	Trương Thị Anh Đào	02/08/1983	Gia Lai	Đại học	Quản lý đất đai	Địa chính viên	CN Cam Ranh	V.06.01.02	Chuyên ngành			87,5	87,5
301	ĐC120	Đào Ngọc Hiền	18/09/1984	Nghĩa Khánh, Nghệ An	Đại học	Quản lý đất đai	Địa chính viên	CN Cam Ranh	V.06.01.02	Chuyên ngành	CTB	5	89	94
302	ĐC121	Nguyễn Thị Thoa	02/04/1984	Hoàng Tiến, Thanh Hóa	Đại học	Quản lý đất đai	Địa chính viên	CN Cam Ranh	V.06.01.02	Chuyên ngành			80	80
303	ĐC122	Huỳnh Thị Lãng	26/02/1981	Sông Cầu, Đak Lak	Đại học	Quản lý đất đai	Địa chính viên	CN Cam Ranh	V.06.01.02	Chuyên ngành			86	86
304	ĐC123	Phan Thị Phương Thảo	03/02/1976	Đức Phổ, Quảng Ngãi	Đại học	Quản lý đất đai + Luật	Địa chính viên	CN Cam Ranh	V.06.01.02	Chuyên ngành			Vắng	vắng
305	ĐC124	Hồ Minh Huy	14/10/1991	Sông Cầu, Đak Lak	Thạc sĩ	Quản lý đất đai	Địa chính viên	CN Cam Ranh	V.06.01.02	Chuyên ngành			86,5	86,5
306	ĐC125	Châu Thị Thanh Loan	24/06/1992	Phú Yên	Đại học	Quản lý đất đai	Địa chính viên	CN Cam Ranh	V.06.01.02	Chuyên ngành			49,5	49,5

307	ĐC126	Nguyễn Thị Nhứt	14/07/1980	Nguyễn Nghiêm, Quảng Ngãi	Đại học	Quản lý đất đai +Kế toán	Địa chính viên	CN Cam Ranh	V.06.01.02	Chuyên ngành			22	22
308	ĐC127	Phan Thảo Như Quỳnh	21/02/1997	Ô Loan, Đak Lak	Đại học	Quản lý đất đai	Địa chính viên	CN Cam Ranh	V.06.01.02	Chuyên ngành			51	51
309	ĐC128	Nguyễn Hoài Đức	19/04/1987	Mỏ Cày, Quảng Ngãi	Đại học	Quản lý đất đai	Địa chính viên	CN Cam Ranh	V.06.01.02	Chuyên ngành			30	30
310	ĐC129	Nguyễn Thị Thu Thủy	18/09/1989	Hoài Nhơn Bắc, Gia Lai	Đại học	Quản lý đất đai	Địa chính viên	CN Cam Ranh	V.06.01.02	Chuyên ngành			85	85
311	MC01	Nguyễn Trần Vịnh	21/03/1992	Tây Nha Trang, Khánh Hòa	Đại học	Quản lý đất đai	Chuyên viên Hành chính văn phòng (một cửa)	CN Khánh Vĩnh	01.003	Chuyên môn dùng chung			97,5	97,5
312	MC02	Hồ Trọng Liêm	05/04/1995	Tu Bông, Khánh Hòa	Đại học	Luật + Quản lý đất đai	Chuyên viên Hành chính văn phòng (một cửa)	CN Vạn Ninh	01.003	Chuyên môn dùng chung			99	99
313	MC03	Trần Thị Ngọc Lành	21/08/2001	Vạn Ninh, Khánh Hòa	Đại học	Luật	Chuyên viên Hành chính văn phòng (một cửa)	CN Vạn Ninh	01.003	Chuyên môn dùng chung			6	6
314	MC04	Nguyễn Thị Thắm	06/03/1990	Hòa Hiệp, Đak Lak	Đại học	Quản lý đất đai + Luật	Chuyên viên Hành chính văn phòng (một cửa)	CN Vạn Ninh	01.003	Chuyên môn dùng chung			60	60
315	MC05	Nguyễn Thị Mỹ Cẩm	29/04/2003	Vạn Thắng, Khánh Hòa	Đại học	Luật	Chuyên viên Hành chính văn phòng (một cửa)	CN Vạn Ninh	01.003	Chuyên môn dùng chung			9,5	9,5
316	MC06	Trần Thị Như Thủy	14/01/1992	Hải Quang, Ninh Bình	Đại học	Quản lý đất đai	Chuyên viên Hành chính văn phòng (một cửa)	CN Vạn Ninh	01.003	Chuyên môn dùng chung			66	66
317	MC07	Trần Thị Thanh Hương	09/07/1990	Hòa Thắng, Khánh Hòa	Đại học	Quản lý đất đai	Chuyên viên Hành chính văn phòng (một cửa)	CN Vạn Ninh	01.003	Chuyên môn dùng chung			94,5	94,5
318	MC08	Trần Huỳnh Như Ái Mỹ	14/06/2000	Vạn Ninh, Khánh Hòa	Đại học	Luật; Luật kinh tế	Chuyên viên Hành chính văn phòng (một cửa)	CN Vạn Ninh	01.003	Chuyên môn dùng chung			20	20
319	MC09	Trần Thị Trúc Ly	06/05/2000	Vạn Thắng, Khánh Hòa	Đại học	Quản lý đất đai	Chuyên viên Hành chính văn phòng (một cửa)	CN Vạn Ninh	01.003	Chuyên môn dùng chung			60,5	60,5

320	MC10	Ngô Thị Nghĩa	26/02/1985	Trường Văn, Thanh Hóa	Đại học	Luật	Chuyên viên Hành chính văn phòng (một cửa)	CN Diên Khánh	01.003	Chuyên môn dùng chung			90	90
321	MC11	Trần Thị Lợi	25/09/1996	Bạch Hà, Nghệ An	Đại học	Luật	Chuyên viên Hành chính văn phòng (một cửa)	CN Diên Khánh	01.003	Chuyên môn dùng chung			12	12
322	MC12	Ngô Thị Vân Thùy	18/06/1986	Hòa Thắng, Khánh Hòa	Đại học	Kinh tế	Chuyên viên Hành chính văn phòng (một cửa)	CN Diên Khánh	01.003	Chuyên môn dùng chung			70	70
323	MC13	Nguyễn Nhị Phong Nha	17/08/2002	Diên Khánh, Khánh Hòa	Đại học	Luật	Chuyên viên Hành chính văn phòng (một cửa)	CN Diên Khánh	01.003	Chuyên môn dùng chung			25	25
324	MC14	Lê Thị Như	23/06/1991	Ninh Hòa, Khánh Hòa	Đại học	Quản lý đất đai	Chuyên viên Hành chính văn phòng (một cửa)	CN Ninh Hòa	01.003	Chuyên môn dùng chung			100	100
325	MC15	Ngô Thảo Nguyên	05/02/1983	Tân Định, Khánh Hòa	Đại học	Luật	Chuyên viên Hành chính văn phòng (một cửa)	CN Ninh Hòa	01.003	Chuyên môn dùng chung			100	100
326	MC16	Thái Bảo	04/04/1996	Hòa Thắng, Khánh Hòa	Đại học	Công nghệ thông tin	Chuyên viên Hành chính văn phòng (một cửa)	CN Ninh Hòa	01.003	Chuyên môn dùng chung			69,5	69,5
327	MC17	Nguyễn Minh Hiếu	30/04/1997	Tân Định, Khánh Hòa	Đại học	Luật	Chuyên viên Hành chính văn phòng (một cửa)	CN Ninh Hòa	01.003	Chuyên môn dùng chung	HTNVQ S	2,5	Vắng	vắng
328	MC18	Phan Trương Quốc Khánh	29/03/2003	Khánh Hòa	Đại học	Luật	Chuyên viên Hành chính văn phòng (một cửa)	CN Ninh Hòa	01.003	Chuyên môn dùng chung			Vắng	vắng
329	MC19	Nguyễn Hữu Huy	12/09/2001	Điện Bàn Tây, Đà Nẵng	Đại học	Luật; Luật kinh tế	Chuyên viên Hành chính văn phòng (một cửa)	CN Ninh Hòa	01.003	Chuyên môn dùng chung			Vắng	vắng
330	MC20	Nguyễn Thị Thu	18/11/1974	Ninh Hòa, Khánh Hòa	Đại học	Quản lý đất đai	Chuyên viên Hành chính văn phòng (một cửa)	CN Ninh Hòa	01.003	Chuyên môn dùng chung			92	92

331	MC21	Trần Văn Linh	12/09/1988	Hòa Thắng, Khánh Hòa	Đại học	Quản lý đất đai + Luật	Chuyên viên Hành chính văn phòng (một cửa)	CN Ninh Hòa	01.003	Chuyên môn dùng chung			93	93
332	MC22	Trương Trần Thị Kim Quý	27/08/2000	Tân Định, Khánh Hòa	Đại học	Luật	Chuyên viên Hành chính văn phòng (một cửa)	CN Ninh Hòa	01.003	Chuyên môn dùng chung			35	35
333	MC23	Cao Văn Lành	21/11/1988	Ninh Hòa, Khánh Hòa	Đại học	Luật + Công nghệ thông tin	Chuyên viên Hành chính văn phòng (một cửa)	CN Ninh Hòa	01.003	Chuyên môn dùng chung			Vắng	vắng
334	MC24	Lê Thị Hồng Phấn	13/07/1989	Tuy An Đông, Đak Lak	Đại học	Quản lý đất đai	Chuyên viên Hành chính văn phòng (một cửa)	CN Cam Ranh	01.003	Chuyên môn dùng chung			86	86
335	MC25	Phan Thị Quý	01/08/1990	An Lương, Gia Lai	Đại học	Quản lý đất đai	Chuyên viên Hành chính văn phòng (một cửa)	CN Cam Ranh	01.003	Chuyên môn dùng chung			75,5	75,5
336	MC26	Đặng Thị Huyền Trang	12/11/1988	Ninh Hòa, Khánh Hòa	Đại học	Công nghệ thông tin	Chuyên viên Hành chính văn phòng (một cửa)	CN Cam Ranh	01.003	Chuyên môn dùng chung			13	13
337	MC27	Lê Châu Thanh Trúc	04/04/2002	Phù Mỹ Đông, Gia Lai	Đại học	Luật; Luật dân sự	Chuyên viên Hành chính văn phòng (một cửa)	CN Cam Ranh	01.003	Chuyên môn dùng chung			29,5	29,5
338	MC28	Bùi Thị Mỹ Hằng	08/06/1996	Tuy An Bắc, Đak Lak	Đại học	Luật	Chuyên viên Hành chính văn phòng (một cửa)	CN Cam Ranh	01.003	Chuyên môn dùng chung			Vắng	vắng
339	MC29	Nguyễn Hà Dung	18/03/1991	Phù Mỹ Đông, Gia Lai	Đại học	Quản lý đất đai	Chuyên viên Hành chính văn phòng (một cửa)	CN Cam Ranh	01.003	Chuyên môn dùng chung			33,5	33,5
340	MC30	Võ Thị Kim Hương	07/09/1989	Tuy An Đông, Đak Lak	Đại học	Quản lý đất đai + Luật	Chuyên viên Hành chính văn phòng (một cửa)	CN Cam Ranh	01.003	Chuyên môn dùng chung			39,5	39,5
341	MC31	Ngô Bảo Tố Nga	19/11/1988	Lâm Đồng	Đại học	Toán tin + Quản lý đất đai+ Luật	Chuyên viên Hành chính văn phòng (một cửa)	CN Cam Ranh	01.003	Chuyên môn dùng chung	CBCĐ	1,5	87	88,5

342	MC32	Mạc Lê Như Xuân	02/01/1993	Sông Cầu, Đak Lak	Đại học	Quản lý đất đai	Chuyên viên Hành chính văn phòng (một cửa)	CN Cam Ranh	01.003	Chuyên môn dùng chung			77	77
343	MC33	Lã Thị Thùy	19/03/1992	Thanh Hóa	Đại học	Quản lý đất đai	Chuyên viên Hành chính văn phòng (một cửa)	CN Cam Ranh	01.003	Chuyên môn dùng chung	CBB	5	71	76
344	MC34	Ngô Thị Hoài	08/05/1989	Lưu Vệ, Thanh Hóa	Đại học	Luật	Chuyên viên Hành chính văn phòng (một cửa)	CN Cam Ranh	01.003	Chuyên môn dùng chung			Vắng	vắng
345	MC35	Nguyễn Thu Phương	01/06/1996	Hải Hưng, Ninh Bình	Đại học	Luật	Chuyên viên Hành chính văn phòng (một cửa)	CN Cam Ranh	01.003	Chuyên môn dùng chung			95	95
346	MC36	Nguyễn Thị Sương	15/03/1993	Đề Gi, Gia Lai	Đại học	Quản lý đất đai + Luật + kế toán	Chuyên viên Hành chính văn phòng (một cửa)	CN Cam Ranh	01.003	Chuyên môn dùng chung			57	57
347	MC37	Trần Quốc Cường	15/12/2000	Phú Nhuận, Đà Nẵng	Đại học	Luật	Chuyên viên Hành chính văn phòng (một cửa)	CN Cam Ranh	01.003	Chuyên môn dùng chung			Vắng	vắng
348	MC38	Phan Duy Khánh	16/03/1998	Cam Ranh, Khánh Hòa	Đại học	Luật	Chuyên viên Hành chính văn phòng (một cửa)	CN Cam Ranh	01.003	Chuyên môn dùng chung			21	21
349	MC39	Võ Thị Ngọc Phương	07/04/1987	Quảng Ngãi	Đại học	Kế toán + Quản lý đất đai	Chuyên viên Hành chính văn phòng (một cửa)	CN Cam Lâm	01.003	Chuyên môn dùng chung			85	85
350	MC40	Phạm Thị Thu Nhân	10/03/2003	Gia Lai	Đại học	Luật	Chuyên viên Hành chính văn phòng (một cửa)	CN Cam Lâm	01.003	Chuyên môn dùng chung			14,5	14,5
351	MC41	Lê Thị Minh Khang	12/01/1994	Cam Lâm, Khánh Hòa	Đại học	Quản lý đất đai	Chuyên viên Hành chính văn phòng (một cửa)	CN Cam Lâm	01.003	Chuyên môn dùng chung			91	91
352	MC42	Phạm Thị Thùy Linh	15/03/1990	Lê Thủy, Quảng Trị	Đại học, Thạc sĩ	Tài chính ngân hàng; Luật Thạc sĩ Luật kinh tế	Chuyên viên Hành chính văn phòng (một cửa)	CN Cam Lâm	01.003	Chuyên môn dùng chung			64	64

353	MC43	Nguyễn Vũ Thủy Tiên	16/07/1996	Cam Hiệp, Khánh Hòa	Đại học	Quản lý đất đai	Chuyên viên Hành chính văn phòng (một cửa)	CN Cam Lâm	01.003	Chuyên môn dùng chung			Vắng	vắng
354	MC44	Võ Khôi Quỳnh Như	04/09/2001	Tam Quan, Gia Lai	Đại học	Luật	Chuyên viên Hành chính văn phòng (một cửa)	CN Cam Lâm	01.003	Chuyên môn dùng chung			36	36
355	MC45	Nguyễn Phạm Huyền Trân	15/08/1993	Tuy An Tây, Đak Lak	Đại học	Quản lý đất đai	Chuyên viên Hành chính văn phòng (một cửa)	CN Cam Lâm	01.003	Chuyên môn dùng chung			21	21
356	MC46	Nguyễn Thị Ngọc Vân	20/10/1986	Hoài Nhơn, Gia Lai	Đại học	Luật	Chuyên viên Hành chính văn phòng (một cửa)	CN Cam Lâm	01.003	Chuyên môn dùng chung			44	44
357	MC47	Nguyễn Thị Kim Khanh	17/06/1991	Xuân Hải, Khánh Hòa	Đại học	Luật	Chuyên viên Hành chính văn phòng (một cửa)	CN Bắc Ái	01.003	Chuyên môn dùng chung	DTTS	5	13,5	13,5
358	MC48	Hồ Thị Trúc Hà	07/10/1995	Đô Vinh, Khánh Hòa	Đại học	Luật	Chuyên viên Hành chính văn phòng (một cửa)	CN Bắc Ái	01.003	Chuyên môn dùng chung			92,5	92,5
359	MC49	Đạo Quốc Bình	14/06/2001	Đô Vinh, Khánh Hòa	Đại học	Luật	Chuyên viên Hành chính văn phòng (một cửa)	CN Bắc Ái	01.003	Chuyên môn dùng chung			10	10
360	MC50	Nguyễn Châu Khâm	11/09/1990	Đức Phổ, Quảng Ngãi	Đại học	Luật	Chuyên viên Hành chính văn phòng (một cửa)	CN Ninh Phước	01.003	Chuyên môn dùng chung			96	96
361	MC51	Bạch Thị Thu Thảo	25/10/1996	Ninh Phước, Khánh Hòa	Đại học	Luật	Chuyên viên Hành chính văn phòng (một cửa)	CN Ninh Phước	01.003	Chuyên môn dùng chung			67	67
362	MC52	Trần Thị Trúc Ninh	03/05/2000	Ninh Phước, Khánh Hòa	Đại học	Luật	Chuyên viên Hành chính văn phòng (một cửa)	CN Ninh Phước	01.003	Chuyên môn dùng chung			12	12
363	MC53	Trần Thị Bích Hạnh	15/10/1995	Đông Hải, KHánh Hòa	Đại học	Luật	Chuyên viên Hành chính văn phòng (một cửa)	CN Ninh Phước	01.003	Chuyên môn dùng chung			37	37

364	MC54	Trần Thy Nhiên Duy	24/02/1992	Ninh Phước, Khánh Hòa	Đại học	Quản lý đất đai	Chuyên viên Hành chính văn phòng (một cửa)	CN Ninh Phước	01.003	Chuyên môn dùng chung			48,5	48,5
365	MC55	Nguyễn Thị Hồng Hằng	05/10/1996	Phước Hậu, Khánh Hòa	Đại học	Quản lý đất đai	Chuyên viên Hành chính văn phòng (một cửa)	CN Ninh Phước	01.003	Chuyên môn dùng chung			24	24
366	MC56	Nguyễn Hoàng Yến Nhi	24/01/2003	Lê Thủy, Quảng Trị	Đại học	Quản lý đất đai	Chuyên viên Hành chính văn phòng (một cửa)	CN Nha Trang	01.003	Chuyên môn dùng chung			Vắng	vắng
367	MC57	Lưu Trọng Tín	09/01/1988	Thạch Thành, Thanh Hóa	Thạc sĩ	Thạc sĩ Quản lý đất đai + Luật	Chuyên viên Hành chính văn phòng (một cửa)	CN Nha Trang	01.003	Chuyên môn dùng chung			95	95
368	MC58	Nguyễn Lê Phong	21/04/2000	Mỹ Sơn, Khánh Hòa	Đại học	Luật; Luật quốc tế	Chuyên viên Hành chính văn phòng (một cửa)	CN Nha Trang	01.003	Chuyên môn dùng chung			17	17
369	MC59	Hồ Thị Ngọc Thúy	17/02/1995	Ninh Chữ, Khánh Hòa	Đại học	Luật + Quản lý đất đai	Chuyên viên Hành chính văn phòng (một cửa)	CN Ninh Hải	01.003	Chuyên môn dùng chung			91,5	91,5
370	MC60	Đặng Thị Xuân Yến	26/04/2001	Khánh Vĩnh, Khánh Hòa	Đại học	Kinh tế; Thẩm định giá	Chuyên viên Hành chính văn phòng (một cửa)	CN Ninh Hải	01.003	Chuyên môn dùng chung			18,5	18,5
371	MC61	Nguyễn Thị Khánh Hải	08/02/1992	Phước Dinh, Khánh Hòa	Đại học	Luật	Chuyên viên Hành chính văn phòng (một cửa)	CN Ninh Hải	01.003	Chuyên môn dùng chung			44	44
372	MC62	Ngô Thị Hoàng Vy	20/05/1995	Ninh Phước, Khánh Hòa	Đại học	Luật	Chuyên viên Hành chính văn phòng (một cửa)	CN Ninh Hải	01.003	Chuyên môn dùng chung			50	50
373	MC63	Huỳnh Thị Ngọc Quyên	02/09/1996	Đông Hải, Khánh Hòa	Đại học	Quản lý đất đai	Chuyên viên Hành chính văn phòng (một cửa)	CN Ninh Hải	01.003	Chuyên môn dùng chung			41	41
374	MC64	Nguyễn Thị Diễm Thoa	11/11/1985	Xuân Hải, Khánh Hòa	Đại học	Luật	Chuyên viên Hành chính văn phòng (một cửa)	CN Ninh Hải	01.003	Chuyên môn dùng chung			89	89

375	MC65	Đạo Trọng Phiên	14/10/1998	Xuân Hải, Khánh Hòa	Đại học	Công nghệ thông tin	Chuyên viên Hành chính văn phòng (một cửa)	CN Ninh Hải	01.003	Chuyên môn dùng chung	DTTS	5	13	13
376	MC66	Hồ Lê Tuyết Trinh	01/09/1990	Ninh Chữ, Khánh Hòa	Đại học	Luật	Chuyên viên Hành chính văn phòng (một cửa)	CN Ninh Hải	01.003	Chuyên môn dùng chung			34	34
377	MC67	Đường Nguyễn Hoài Thương	18/12/1994	Phan Rang, Khánh Hòa	Đại học	Luật	Chuyên viên Hành chính văn phòng (một cửa)	CN Ninh Hải	01.003	Chuyên môn dùng chung			29,5	29,5
378	MC68	Võ Thị Kim Vi	17/02/1986	Xuân Hải, Khánh Hòa	Đại học	Quản lý đất đai	Chuyên viên Hành chính văn phòng (một cửa)	CN Ninh Hải	01.003	Chuyên môn dùng chung			47	47
379	MC69	Võ Thái Hiền	29/03/2001	Đà Nẵng	Đại học	Luật	Chuyên viên Hành chính văn phòng (một cửa)	CN Ninh Hải	01.003	Chuyên môn dùng chung			Vắng	vắng
380	MC70	Nguyễn Thị Xuân Phương	05/09/1997	Lê Thủy, Quảng Trị	Đại học	Văn hóa học+ Luật	Chuyên viên Hành chính văn phòng (một cửa)	CN Ninh Hải	01.003	Chuyên môn dùng chung			34,5	34,5
381	MC71	Lê Sơn Đông	02/07/1986	Đông Hải, Khánh Hòa	Thạc sĩ	Quản lý kinh tế + Cử nhân Luật	Chuyên viên Hành chính văn phòng (một cửa)	CN Phan Rang	01.003	Chuyên môn dùng chung	SQDB	5	37	37
382	MC72	Ngô Thanh Lâm	19/06/1983	Ninh Sơn, Khánh Hòa	Đại học	Quản trị kinh doanh + Luật	Chuyên viên Hành chính văn phòng (một cửa)	CN Phan Rang	01.003	Chuyên môn dùng chung			Vắng	vắng
383	MC73	Lâm Gia Nhật Anh	24/10/1998	Tư Nghĩa, Quảng Ngãi	Đại học	Kinh tế; Kinh tế Nông lâm	Chuyên viên Hành chính văn phòng (một cửa)	CN Phan Rang	01.003	Chuyên môn dùng chung			23,25	23,25
384	MC74	Phạm Ngọc Hòa	15/12/2000	Bảo An, Khánh Hòa	Đại học	Luật	Chuyên viên Hành chính văn phòng (một cửa)	CN Phan Rang	01.003	Chuyên môn dùng chung			36,25	36,25
385	MC75	Bùi Trung Đức	03/10/1996	Quyển Lưu, Nghệ An	Đại học	Luật	Chuyên viên Hành chính văn phòng (một cửa)	CN Phan Rang	01.003	Chuyên môn dùng chung			94,25	94,25

386	MC76	Nguyễn Thanh Tùng	01/01/2002	Hà Nội	Đại học	Luật	Chuyên viên Hành chính văn phòng (một cửa)	CN Phan Rang	01.003	Chuyên môn dùng chung			6	6
387	MC77	Võ Quốc Khánh	22/10/1993	TP Hồ Chí Minh	Đại học	Luật	Chuyên viên Hành chính văn phòng (một cửa)	CN Phan Rang	01.003	Chuyên môn dùng chung			62,25	62,25
388	MC78	Hồ Minh Trí	16/11/2000	Bảo An, Khánh Hòa	Đại học	Luật	Chuyên viên Hành chính văn phòng (một cửa)	CN Phan Rang	01.003	Chuyên môn dùng chung			5	5
389	MC79	Nguyễn Thị Ngọc Trinh	19/02/1981	Ninh Chữ, Khánh Hòa	Đại học	Kinh tế; kinh tế đối ngoại	Chuyên viên Hành chính văn phòng (một cửa)	CN Phan Rang	01.003	Chuyên môn dùng chung			95,75	95,75
390	MC80	Nguyễn Kiều Linh	13/08/2002	Ninh Thuận	Đại học	Công nghệ thông tin	Chuyên viên Hành chính văn phòng (một cửa)	CN Phan Rang	01.003	Chuyên môn dùng chung			36,5	36,5
391	MC81	Phạm Thị Lan	11/11/1988	Vĩnh Hải, Khánh Hòa	Đại học	Luật	Chuyên viên Hành chính văn phòng (một cửa)	CN Phan Rang	01.003	Chuyên môn dùng chung			51,25	51,25
392	MC82	Đỗ Duy Khôi	05/03/2003	Đô Vinh, Khánh Hòa	Đại học	Luật	Chuyên viên Hành chính văn phòng (một cửa)	CN Phan Rang	01.003	Chuyên môn dùng chung			6,5	6,5
393	MC83	Nguyễn Phú Trinh Nguyên	08/09/2003	Bảo An, Khánh Hòa	Đại học	Luật	Chuyên viên Hành chính văn phòng (một cửa)	CN Phan Rang	01.003	Chuyên môn dùng chung			26,5	26,5
394	MC84	Trần Thị Phương Nhung	07/10/1995	Nam Lý, Ninh Bình	Đại học	Luật	Chuyên viên Hành chính văn phòng (một cửa)	CN Ninh Sơn	01.003	Chuyên môn dùng chung			48,25	48,25
395	MC85	Lê Thị Mỹ Lan	04/07/1994	Phù Cát, Gia Lai	Đại học	Quản lý đất đai	Chuyên viên Hành chính văn phòng (một cửa)	CN Ninh Sơn	01.003	Chuyên môn dùng chung			61,75	61,75
396	MC86	Nguyễn Thị Mai Thi	04/02/1996	Huế	Đại học	Quản lý đất đai	Chuyên viên Hành chính văn phòng (một cửa)	CN Ninh Sơn	01.003	Chuyên môn dùng chung			76,5	76,5

397	MC87	Hồ Thị Thu Hiền	14/10/1995	Hà Tĩnh	Đại học	Quản lý đất đai	Chuyên viên Hành chính văn phòng (một cửa)	CN Ninh Sơn	01.003	Chuyên môn dùng chung			96	96
398	MC88	Mai Thị Hoa Lộc	01/04/1986	Vạn Lộc, Thanh Hóa	Đại học	Công nghệ thông tin	Chuyên viên Hành chính văn phòng (một cửa)	CN Ninh Sơn	01.003	Chuyên môn dùng chung			90	90
399	MC89	Phạm Hoàng Đức	31/08/2001	Hà Nam	Đại học	Công nghệ thông tin; Kỹ thuật phần mềm	Chuyên viên Hành chính văn phòng (một cửa)	CN Ninh Sơn	01.003	Chuyên môn dùng chung			89	89
400	MC90	Trần Ngọc Nghĩa	09/08/1994	Phước Hữu, Khánh Hòa	Đại học	Luật	Chuyên viên Hành chính văn phòng (một cửa)	CN Ninh Sơn	01.003	Chuyên môn dùng chung	DTTS	5	Vắng	vắng
401	MC91	Lương Thị Quỳnh	11/04/1995	Cẩm Tân, Thanh Hóa	Đại học	Luật + Quản lý đất đai	Chuyên viên Hành chính văn phòng (một cửa)	CN Thuận Nam	01.003	Chuyên môn dùng chung	DTTS	5	80	85
402	MC92	Nguyễn Thị Kim Huy	08/08/1986	Ninh Phước, Khánh Hòa	Đại học	Luật	Chuyên viên Hành chính văn phòng (một cửa)	CN Thuận Bắc	01.003	Chuyên môn dùng chung			80,5	80,5
403	MC93	Nguyễn Thị Ánh Tuyết	12/04/1990	Đông Hải, Khánh Hòa	Đại học	Luật	Chuyên viên Hành chính văn phòng (một cửa)	Phòng HC-TH	01.003	Chuyên môn dùng chung			93	93
404	MC94	Nguyễn Việt Trinh	08/04/1990	Ba Đồn, Quảng Trị	Đại học	Quản lý đất đai + Kế toán	Chuyên viên Hành chính văn phòng (một cửa)	Phòng HC-TH	01.003	Chuyên môn dùng chung			100	100